

324.2597070959758

V115K

THI ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN

VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI TỈNH ĐẢNG BỘ
LẦN THỨ IX

1996

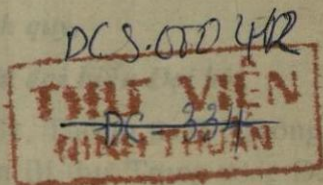
V115K

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN

VĂN KIẾN

ĐẠI HỘI TỈNH ĐẢNG BỘ

LẦN THỨ IX



DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ IX

(Do đồng chí Nguyễn Trung Hậu thay mặt
Đoàn Chủ tịch đọc tại Đại hội ngày 25/4/1996)

Kính thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Chấp hành Chỉ thị 51, Thông tri 09, Thông tri 11 và Công văn 266 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp, sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, nghiêm túc, được sự nhất trí của Ban Bí thư, hôm nay Đại hội đại biểu tỉnh Ninh Thuận lần thứ IX được trọng thể khai mạc. Về dự Đại hội có 220 đồng chí đại biểu chính thức đại diện cho hơn 4.000 đảng

viên của 256 tổ chức cơ sở đảng thuộc 8 Đảng bộ trực thuộc.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu là những đảng viên ưu tú được Đại hội các Đảng bộ bầu làm đại biểu mang đến cho Đại hội ý chí, nguyện vọng và niềm tin của toàn Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng :

- Các đồng chí đại diện Ban xây dựng Đảng Trung ương.
 - Các đồng chí đại diện Khu uỷ khu 6 và Tỉnh uỷ Thuận Hải cũ.
 - Các đồng chí đại diện Thường vụ Tỉnh uỷ Ninh Thuận qua các nhiệm kỳ đã nghỉ hưu.
 - Các đồng chí đại diện cán bộ lão thành cách mạng.
 - Các đồng chí đại diện anh hùng lực lượng vũ trang, đại diện cho các bà mẹ Việt Nam anh hùng, đại diện gia đình tiêu biểu có công với cách mạng, đại diện các cơ quan, đơn vị của Trung ương đang công tác trên địa bàn tỉnh, đại diện một số sở, ban ngành của tỉnh được mời dự Đại hội.
 - Các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh truyền hình của Trung ương và địa phương.
- Sự có mặt của các đồng chí là nguồn động viên, cổ vũ và sự đóng góp quan trọng cho Đại hội chúng ta thành công tốt đẹp.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch và Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ VIII, tôi nhiệt liệt chào mừng và chúc sức khỏe các đồng chí đại biểu về tham dự Đại hội hôm nay.

Kính thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa toàn thể Đại hội,

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX là cuộc sinh hoạt chính trị lớn của Đảng bộ, có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình phát triển của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; Đại hội được tiến hành trong bối cảnh đất nước sau 10 năm đổi mới đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, đang mở ra thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau 4 năm tách tỉnh, hoà chung với sự nghiệp đổi mới của cả nước, tỉnh Ninh Thuận đã tập trung khắc phục những khó khăn, thiếu thốn ban đầu của một tỉnh mới tách ra, phấn đấu đạt được những thành tích tiến bộ quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội - an ninh quốc phòng, giữ vững sự ổn định chính trị, tạo ra tiền đề cần thiết cho bước phát triển của tỉnh nhà trong những năm cuối cùng của thế kỷ 20, chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ 21 với niềm tin, sức mạnh mới và quyết tâm cao hơn, ra sức khắc phục những khó

khăn, chống nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển.

Đại hội lần thứ IX của Đảng bộ có 3 nhiệm vụ rất quan trọng :

- Thảo luận, thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến của Đại hội huyện, các Đảng bộ trực thuộc và hội nghị Tỉnh ủy mở rộng về báo cáo chính trị, báo cáo kinh tế-xã hội và điều lệ Đảng sửa đổi để báo cáo lên Trung ương.

- Thảo luận báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh sau khi đã có ý kiến đóng góp của Đại hội Đảng bộ huyện và tương đương và ý kiến tiếp thu hoàn chỉnh của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IX; bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Với tinh thần đó, việc lấy ý kiến đóng góp vào các văn kiện của Trung ương trình tại Đại hội toàn quốc lần thứ VIII, việc xây dựng các văn kiện của Đại hội và chuẩn bị nhân sự Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh được tập thể Ban chấp hành khoá VIII tích cực chuẩn bị khẩn trương, nghiêm túc bằng nhiều việc làm, với nhiều hình thức và biện pháp thiết thực, cụ thể nhằm bảo đảm cho Đại hội thành công. Ngay sau khi có sự chỉ đạo của Trung ương về Đại hội Đảng bộ các cấp, bên cạnh việc tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 1995, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thành lập và chỉ đạo các Tiểu ban nội dung, Tiểu ban

nhân sự xây dựng đề án báo cáo chính trị và đề án nhân sự. Dự thảo báo cáo Đại hội đã được đông đảo cán bộ chủ chốt các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ban chấp hành các huyện thị uỷ, đảng uỷ, trưởng phó các ban ngành của huyện thị, bí thư, chủ tịch xã phường, các đồng chí hữu trí trung cao cấp, đội ngũ khoa học kỹ thuật, một số trí thức, chức sắc trong đồng bào các dân tộc, tôn giáo, một số nhà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong tỉnh tích cực tham gia đóng góp ý kiến.

Trên cơ sở những ý kiến đóng góp và ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tiếp thu, xử lý và hoàn chỉnh một bước nội dung báo cáo trình Đại hội.

Việc chuẩn bị nhân sự Ban chấp hành khoá IX cũng được tiến hành nghiêm túc từ dưới lên, từ trên xuống một cách dân chủ. Tập thể Ban chấp hành và Tiểu ban nhân sự đã lắng nghe ý kiến, nghiên cứu những đề nghị của các tổ chức Đảng và cá nhân về định hướng, tiêu chuẩn, số lượng cũng như dự kiến cấu tạo vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IX để trình Đại hội quyết định.

Thư các đồng chí đại biểu,

Để thực hiện có kết quả các yêu cầu trong nội dung chương trình Đại hội mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX sẽ thông qua, tôi đề nghị các đồng chí cần tập trung một số điểm sau đây :

Một là, các đại biểu sẽ tích cực nghiên cứu, thảo luận, tranh luận đóng góp thêm nhiều ý kiến để hoàn chỉnh các văn kiện với chất lượng cao. Ở đây, các đồng chí đại biểu không phải thảo luận lại từ đầu các vấn đề cụ thể đã nêu trong dự thảo báo cáo, mà cần tập trung đánh giá những chuyển biến tiến bộ, những tồn tại, khuyết điểm, nguyên nhân của nhiệm kỳ vừa qua. Đại hội thảo luận, quyết định những vấn đề cơ bản cần làm sáng tỏ thêm, nhất là các giải pháp để phát huy đầy đủ các lợi thế kinh tế của tỉnh như việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chọn lựa những ngành mũi nhọn, chọn lựa trọng tâm trong phát triển nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp; làm rõ về nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; về cách làm, bước đi và các lĩnh vực cần tập trung để phát triển công nghiệp địa phương nhằm đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, chống tụt hậu, cân bằng ngân sách, tăng tích lũy, thu nhập cho các tầng lớp nhân dân; về nhiệm vụ an ninh quốc phòng trong tình hình mới, để chống diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, giữ vững sự ổn định chính trị, giữ vững độc lập tự chủ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa; về đổi mới và chỉnh đốn Đảng; về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá văn nghệ, thể dục, thể thao, công tác dân tộc, miền núi.v.v... hoặc những vấn đề còn có ý kiến khác nhau lớn về các mục tiêu, chỉ tiêu. Đoàn Chủ tịch sẽ trình bày với Đại hội những vấn đề trọng tâm đó, nhằm qua thảo luận, tranh luận để Đại hội chúng ta đạt được sự nhất trí cao hơn về những quan

điểm, nguyên tắc, những nội dung và giải pháp chủ yếu đã nêu trong dự thảo báo cáo.

Để thực hiện được việc này, mỗi đại biểu và Đại hội cần phát huy dân chủ, tinh thần trách nhiệm cao, tập trung đầy đủ trí tuệ, có phương pháp nhìn nhận thật khách quan, khoa học và thực tiễn trong đánh giá tình hình cũng như trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho nhiệm kỳ đến. Đó là điều rất quan trọng bảo đảm sự thống nhất về quan điểm, tư tưởng và hành động trong suốt quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội để nghị quyết sớm đi vào cuộc sống và giành thắng lợi.

Hai là, Đại hội sẽ sáng suốt lựa chọn bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IX, tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đầy đủ trí tuệ và năng lực thực tiễn đưa nhanh nghị quyết Đại hội vào cuộc sống và tổ chức thực hiện thắng lợi. Phải bám sát tiêu chuẩn và cơ cấu, số lượng và chất lượng, trong đó vấn đề quan trọng hàng đầu là tiêu chuẩn, chất lượng, có chuẩn bị cán bộ trẻ kế cận cho nhiệm kỳ sau năm 2000. Để thực hiện tốt yêu cầu này, mỗi đại biểu phải có thái độ vô tư, khách quan, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng lên trên hết để lựa chọn những đồng chí xứng đáng vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và lựa chọn bầu đoàn đại biểu đủ tiêu chuẩn, có cơ cấu hợp lý thay mặt Đảng bộ đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Ba là, Đại hội thật sự phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ luật, kỷ cương trong thảo luận, tranh luận đóng góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội, trong bầu cử và ứng cử, trong điều hành các công việc của Đại hội nhằm tạo bầu không khí đoàn kết, dân chủ, với tinh thần trách nhiệm cao, lắng nghe ý kiến lẫn nhau trên nguyên tắc Đảng. Đó là cơ sở quan trọng để đạt tới sự thống nhất cao trong các đại biểu về những vấn đề trình ra Đại hội.

Bốn là, đề nghị các đại biểu chấp hành nghiêm túc các nguyên tắc, quy chế làm việc và nội quy của Đại hội.

Kính thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa toàn thể Đại hội,

Thực hiện tốt các yêu cầu trên đây, chúng ta tin chắc rằng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX sẽ hoàn thành được trách nhiệm to lớn của mình, đáp ứng với lòng mong đợi và sự quan tâm theo dõi của toàn Đảng bộ và toàn dân trong tỉnh.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội lần thứ IX của Đảng bộ tỉnh.

Chúc sức khỏe các đồng chí và chúc Đại hội thành công tốt đẹp



BÁO CÁO

**của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh
tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ IX.**



Quán triệt nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, tháng 10 năm 1992 Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đã xác định phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội và cơ cấu kinh tế tỉnh nhà giai đoạn 1992-1995.

Sau 4 năm thực hiện nghị quyết VIII của Đảng bộ tỉnh, nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ và các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương khoá VII, được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, toàn Đảng bộ đã phát huy truyền thống đoàn kết, động viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh tập trung khai thác các tiềm năng, lợi thế, từng bước khắc phục khó khăn về cơ sở hạ tầng thiếu thốn và xuống cấp, ngân sách eo hẹp, thường xuyên đối phó với thiên tai, tiến hành xây dựng hệ thống chính trị cấp tỉnh, sắp xếp bộ máy, nhân sự, giải quyết hàng loạt vấn đề về kinh tế-xã hội mới phát sinh từ sau khi tách tỉnh; có việc gần như phải tiến hành từ đầu. Phát huy ý thức tự lực tự cường, hướng vào thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng

văn minh, Đảng bộ đã phấn đấu đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Đại hội lần thứ IX của Đảng bộ lần này có nhiệm vụ đánh giá đúng đắn những thành tích và những tồn tại yếu kém nhiệm kỳ qua, xác định mục tiêu - nhiệm vụ và các giải pháp cho thời kỳ phát triển mới theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.



Phần thứ nhất



KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ VIII

(NHIỆM KỲ 1992 - 1995)

I/ THÀNH TÍCH VÀ TIẾN BÔ :

1/ Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá, phát triển tương đối toàn diện, đi dần vào thế ổn định.

Nhiều chỉ tiêu chủ yếu do nghị quyết Đại hội lần thứ VIII đề ra được thực hiện đạt và vượt. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) 4 năm qua liên tục tăng với nhịp độ bình quân hàng năm 8,8% (mục tiêu đề ra là 7%), trong đó ngành nông nghiệp tăng 8,6%, thủy sản tăng 6,8%.

công nghiệp tăng 9,1%, các ngành thương mại, dịch vụ tăng 8,5%; tổng sản lượng lương thực đạt 140.000/135.000 tấn; sản lượng hải sản 19.500/18.000 tấn; kim ngạch xuất khẩu năm đạt cao nhất là 12 triệu USD (1994). Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung 4 năm là 120 tỷ, so với 32 tỷ do Đại hội đề ra.

Với cơ cấu kinh tế “Nông, ngư, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ và du lịch” được Đại hội Đảng bộ xác định, Ban chấp hành Đảng bộ đã cụ thể hoá thành nghị quyết hàng năm và đạt được những kết quả khá trên nhiều lĩnh vực. Từ sau khi có nghị quyết hội nghị giữa nhiệm kỳ, Đảng bộ tập trung chỉ đạo thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu còn nhỏ bé (10,7%) nhưng đã tập trung đầu tư tạo được một số tiền đề cho bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh trong giai đoạn đến như : mở liên doanh muối Dầm Vua, tăng công suất nhà máy xi-măng, cải tạo thiêt bị nhà máy đường, xây dựng nhà máy gạch tuy-nen, tăng công suất xí nghiệp đông lạnh, liên doanh xây dựng mới nhà máy rượu nho, cải tạo và mở rộng mạng lưới truyền tải điện...

Cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá, chuyển đổi một số cây trồng, vật nuôi phù hợp hệ sinh thái từng vùng, khai thác mặt nước, đầm vũng ven biển phát triển nuôi trồng thủy sản, sử dụng đất trồng đồi núi

trợ phát triển nông-lâm nghiệp. Cây lương thực diện tích từ 83%/1991 giảm xuống 78%/1995, tỷ trọng các cây công nghiệp, cây ăn quả, cây thực phẩm từ 17% tăng lên 22%, góp phần tăng nhanh giá trị sản phẩm nông nghiệp. Giá trị ngành chăn nuôi từ 17,3% tăng lên 21,7% năm 1995.

Cơ cấu thành phần kinh tế đã có sự chuyển đổi. Kinh tế quốc doanh vẫn giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế, tạo ra một số sản phẩm hàng hoá chủ yếu và chi phối một số mặt hàng thiết yếu. Qua sắp xếp lại, các doanh nghiệp nhà nước bước đầu đổi mới thiết bị máy móc, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, mức nộp ngân sách chiếm tỷ trọng gần 50% trong tổng số thu từ khu vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Kinh tế ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển, đã có 95 doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và nhỏ; vai trò kinh tế hộ nông dân và ngư dân được phát huy mạnh trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và dịch vụ.

Các vùng kinh tế đã bắt đầu hình thành theo hướng sản xuất hàng hoá. Vùng ven biển phát triển nuôi trồng, khai thác thủy sản, làm dịch vụ nghề cá, phát triển nghề muối, du lịch. Vùng đồng bằng đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất cây lương thực, tăng sản lượng hàng hoá cây công nghiệp, cây thực phẩm có giá trị (nhò, mía, thuốc lá, hành tỏi) phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Vùng núi có tiến bộ bước đầu, đang chuyển hướng vào nội dung chăm sóc, bảo vệ

rừng là chính, đồng thời phát triển trồng trọt gắn với chăn nuôi gia súc có sẵn.

- Nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện cả chiều rộng và chiều sâu. Nhịp độ tăng bình quân hàng năm 8,6%, sản lượng lương thực tăng 22%. Trong sản xuất lương thực, nhất là sản xuất lúa, tỉnh đã chỉ đạo chuyển vụ Đông Xuân thành vụ chính, hình thành vùng lúa cao sản, khuyến khích nông dân thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, đưa năng suất lúa bình quân từ 38,3 tạ/ha/1991 lên 44 tạ/ha/1995, cân đối được lương thực trong tỉnh. Cây công nghiệp, cây thực phẩm có giá trị kinh tế cao như nho, thuốc lá, mía, hành tỏi tăng nhanh diện tích gieo trồng, đạt hiệu quả khá. Bốn năm qua, các hộ nông dân đầu tư trên 60 tỷ đồng để tăng diện tích nho từ 540 ha lên 2.120 ha năm 1995, sản lượng hàng hoá trên 40.000 tấn. Tuy cây nho chỉ chiếm 3% diện tích gieo trồng nhưng sản phẩm có giá trị cao nên đã góp phần cải thiện khá rõ đời sống nông dân trồng nho. Diện tích thuốc lá được bố trí lại về cơ cấu, thuốc lá vàng chiếm khoảng 20%, đã tăng giá trị sản phẩm hàng hoá. Hành tây, hành tím được nông dân tận dụng tối đa đất đai ở những nơi thích hợp đưa diện tích từ 113 ha lên 250 ha. Các cây mía, bông vải diện tích gieo trồng dao động trong khoảng 3.500 ha; đã du nhập nhiều loại giống mía, bông lai có năng suất cao đưa vào sản xuất thử, triển vọng khá.

Chăn nuôi phát triển khá và đúng định hướng. Nhịp độ tăng bình quân hàng năm 7,7%, chiếm tỷ trọng 21,7% trong tổng giá trị ngành nông nghiệp. Từ năm 1992 đến 1995, đàn bò phát triển khá nhanh từ 58.200 con lên 68.600 con, đàn heo từ 37.500 con lên 60.800 con, đàn dê cừu từ 14.800 con lên 23.000 con. Đàn bò sinh sản, bò thịt đã phát triển ở các xã miền núi với tính chất sản xuất hàng hoá ngày càng rõ nét. Đã xuất hiện nhiều trại chăn nuôi tập trung có từ 30 đến hàng trăm con, đặc biệt có những trại quy mô từ 200 đến hàng nghìn con. Sản phẩm hàng hoá hàng năm cung cấp ra thị trường từ 5.000 - 6.000 tấn thịt hơi.

- Nghề cá phát triển cả về năng lực khai thác, sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản, tốc độ phát triển bình quân hàng năm là 6,8%. Hạ tầng cơ sở nghề cá được cải thiện, vốn tín dụng đầu tư cho nghề cá tăng lên, góp phần tăng năng lực khai thác hải sản từ 943 thuyền/13.386 CV năm 1991 lên 1.360 thuyền/27.390 CV năm 1995, chủ yếu tăng tàu thuyền công suất lớn, nâng mức bình quân từ 14 CV lên 20 CV/thuyền. Đang có xu thế trang bị kỹ thuật mới như máy thông tin, máy tìm ngư, máy định vị, cải tiến cơ cấu thuyền nghề, đa dạng hoá nghề đánh bắt. Sản lượng đánh bắt tăng từ 12.300 tấn/1991 lên 19.500 tấn/1995, tỷ trọng hải sản có giá trị cao như tôm, mực, cá thu tăng khá. Diện tích nuôi tôm phát triển từ 465 ha lên 590 ha. Cơ sở nuôi tôm giống phát triển từ 12 lên 50 trại, đáp ứng nhu cầu

sản xuất tôm trong tỉnh và bán ra ngoài tỉnh. Nghề nuôi tôm hùm, trồng rong sụn bước đầu được phát triển.

- Về lâm nghiệp : Là một địa phương khí hậu khô, nóng, lượng mưa thấp nhất cả nước, rừng có vị trí cực kỳ quan trọng trong việc phòng hộ nông nghiệp và cân bằng sinh thái; Tỉnh uỷ đã quyết định lấy nhiệm vụ bảo vệ, tái sinh rừng là chủ yếu, chỉ khai thác đủ mức chi dùng tại chỗ. Ngay sau khi tách tỉnh đã tiến hành quy hoạch tổng quan về lâm nghiệp, xây dựng thêm các Ban quản lý rừng phòng hộ, xác định lại trách nhiệm quản lý của các lâm trường, quy hoạch lại các cơ sở khai thác và chế biến gỗ, bảo đảm mức khai thác hàng năm trên dưới 4.000 m³ đủ tiêu dùng ở địa phương. Công tác giao đất giao rừng có tiến bộ đáng kể. Đã tiến hành phân lô, giao 57.379 ha rừng cho nhiều hộ gia đình đồng bào dân tộc miền núi trực tiếp quản lý, bảo vệ; nạn phá rừng để làm rẫy dần dần được hạn chế.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển với tốc độ tăng bình quân hàng năm 9,1%. Những năm qua với sự đầu tư của khu vực Nhà nước và của các thành phần kinh tế, năng lực sản xuất và một số sản phẩm hàng hoá công nghiệp đang tăng lên như : muối công nghiệp tăng 350 ha, sản phẩm muối tăng 13.000 tấn; mạng lưới điện được cải tạo và mở rộng, sản lượng điện tăng 1,5 lần; Nhà máy xi-măng tăng thêm một dây chuyền mới, sản lượng xi-măng tăng 76%; Nhà máy đường đang được đổi mới thiết bị và dây chuyền công

nghe và sẽ hoàn chỉnh xong vào 6/1996, sản phẩm đường thô, đường cát tăng 3,5 lần; công suất chế biến thủy sản xuất khẩu từ 8 tấn/ngày tăng lên 12 tấn/ngày, sản lượng thủy sản chế biến xuất khẩu tăng 2 lần; năng lực sản xuất nước mắm tăng 2,4 lần, đá xây dựng tăng 2 lần; khởi công xây dựng nhà máy gạch tuy-nen 20 triệu viên/năm, nhà máy chế biến rượu nho 1 triệu lít/năm.

Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp phát triển đa dạng với nhiều ngành nghề : vật liệu xây dựng, mộc dân dụng, cơ khí sửa chữa, sản xuất nước đá, sản xuất gạch bông, xay xát lương thực... Ở các vùng thị xã, thị trấn, nông thôn. Bước đầu khôi phục dần một số làng nghề thủ công nghiệp : gốm, dệt thổ cẩm, dệt chiếu...

- Hoạt động xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại có tiến bộ trên các mặt đối mới thiết bị, mở rộng sản xuất, tìm kiếm thị trường. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh, giá trị xuất khẩu trực tiếp chiếm 86%, hàng thủy sản chiếm 95%, thị trường xuất khẩu mở rộng. Đã có 4 dự án đầu tư nước ngoài : muối Đầm Vua, sản xuất rượu nho, chăn nuôi giống gia súc, xây dựng cầu tàu Cà Ná, với tổng vốn đầu tư 6 triệu USD. Một số dự án khác đang chuẩn bị để tìm đối tác đầu tư.

- Thương mại và dịch vụ ngày càng phát triển, thị trường xã hội mở rộng, hàng hoá lưu thông thuận lợi đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân trong tỉnh.

Hoạt động thương mại, dịch vụ của khu vực kinh tế nhà nước chiếm 14% và đã chi phối được một số mặt hàng bán buôn chính như xi măng, xăng dầu, muối công nghiệp, đường, thuốc lá nguyên liệu, phân hoá học, thuốc trừ sâu. Kinh tế tư nhân tham gia kinh doanh các mặt hàng nhỏ, thuốc lá, gia súc, thủy sản, thực phẩm và hàng tiêu dùng, góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại hoá chung của cả nước, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo và phục vụ sự phát triển kinh tế-xã hội. Mức đầu tư trong 3 năm là 43 tỷ đồng với 11 công trình viễn thông, nâng tổng dung lượng toàn mạng lên trên 11.000 số, mạng thông tin được hiện đại hoá từng bước trên địa bàn huyện, thị trấn và các nơi trọng yếu, 54/54 xã phường có máy điện thoại, số máy thuê bao từ 600 tăng lên gần 4.850 máy/1995 (1 máy/100 người). Bước đầu trang bị các phương tiện viễn thông hiện đại trên các thuyền đánh cá.

Dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách tăng trưởng khá nhất là dịch vụ vận tải đường bộ. Khối lượng hàng hoá trên thị trường được lưu chuyển kịp thời, năng lực vận tải từ 239 phương tiện/1.200 tấn tăng lên 378 phương tiện/1.890 tấn. Vận tải hành khách cũng tăng từ 165 phương tiện/3.396 ghế lên 304 phương tiện/6.060 ghế.

Các loại hình dịch vụ như ăn uống, may mặc, sửa chữa vật phẩm tiêu dùng và dụng cụ gia đình, dịch vụ văn hoá... phát triển khá nhanh góp phần đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội.

- Hoạt động kinh doanh du lịch có sự biến đổi nhanh chóng về cơ sở vật chất tạo ra khả năng thu hút khách du lịch và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong 3 năm xây dựng và nâng cấp 3 khách sạn với gần 200 giường đủ tiêu chuẩn đón khách trong nước và ngoài nước, doanh thu hàng năm tăng 38%. Khu du lịch Ninh Chữ được quy hoạch và nâng cấp về cơ sở hạ tầng như điện, đường giao thông, tạo ra các tiền đề phát triển ngành du lịch trong các năm đến.

- Công tác tài chính, tín dụng có bước phát triển khá và từng bước đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển của nền kinh tế. Tổng thu ngân sách trên địa bàn từ 33,3 tỷ/1992 tăng lên 89,6 tỷ/1995, mức tăng bình quân hàng năm 37,6%, góp phần quan trọng đáp ứng các yêu cầu chi thường xuyên.

Vốn đầu tư tín dụng đã tác động tích cực cho phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Doanh số cho vay hàng năm đều tăng, từ 113 tỷ/1992 lên 330 tỷ/1995, tổng dư nợ đến cuối năm 1995 là 174 tỷ đồng tăng 3,7 lần so với năm 1992. Ngoài việc mở rộng cho vay ở các vùng sản xuất hàng hoá, Ngân hàng nông nghiệp giành một khoản vốn 2,8 tỷ cho vay ưu đãi đối với các hộ nghèo, đưa tổng số hộ có giao dịch ngân

hàng lên 23.000 hộ chiếm 39% số hộ ở nông thôn. Khối lượng tiền mặt hàng năm đáp ứng kịp thời cho sản xuất, kinh doanh và các nhu cầu khác.

- Đầu tư phát triển toàn xã hội 4 năm qua phát triển nhanh và đúng hướng, có hiệu quả thiết thực, bước đầu tạo tiền đề cho sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tổng vốn đầu tư phát triển khoảng 700 tỷ đồng (bình quân 175 tỷ/năm), nhịp độ tăng bình quân 44%/năm chiếm 12 - 16% GDP. Mức đầu tư một số ngành đạt khá như : nông nghiệp 17,8%, giao thông - bưu điện 14,4%, thủy sản 13,7%, công nghiệp 8,5%. Tổng vốn đầu tư cho khu vực sản xuất kinh doanh và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội chiếm 89%; đã có 119 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng gồm : làm mới, tu bổ 13 công trình thủy lợi lớn nhỏ, tăng năng lực tưới 937 ha, nạo vét và thi công hoàn thành giai đoạn 1 cảng cá Đông Hải, xây dựng mới 67 cây số đường dây trung thế, làm mới tu bổ 192 Km đường giao thông, hiện đại hoá mạng lưới bưu chính viễn thông, tăng năng lực sản xuất muối công nghiệp, xi-măng, chế biến đường, chế biến sản phẩm đông lạnh, các khách sạn, xây mới và nâng cấp 800 phòng học, trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, trường cấp III dân tộc nội trú, trường học sinh giỏi, sân bóng, bệnh viện tỉnh, trung tâm y tế dự phòng, trung tâm kế hoạch hoá gia đình, nhà thiếu nhi, đê sông Dinh, nhà máy nước, hệ thống đường phố vỉa hè, thoát nước nội thị. Ngoài ra các ngành ở Trung ương và địa phương đã giành 7% vốn

đầu tư nâng cấp và xây mới một số trụ sở cơ quan tỉnh, huyện phục vụ công tác quản lý nhà nước. Nguồn vốn đầu tư của nhân dân có chuyển biến rõ nét, hàng năm chiếm trên 40% tổng mức đầu tư, tập trung vào trồng nho, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản, mua sắm máy nông nghiệp, tàu thuyền, phương tiện vận tải...

- Hoạt động khoa học công nghệ bước đầu đã ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật mới vào phục vụ các ngành sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản như : lai tạo giống dê, bò, trồng thử nghiệm các giống ngô lai, bông lai, nho, xử lý môi trường nuôi tôm... Hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, chương trình IPM từng bước được nông dân, ngư dân hưởng ứng, có tác dụng thiết thực đối với sản xuất.

- Nền kinh tế nhiều thành phần được hình thành và đang hoạt động có hiệu quả góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Các doanh nghiệp nhà nước đã được sắp xếp lại theo hướng : các đơn vị sản xuất kinh doanh có hiệu quả tiếp tục được củng cố, chú trọng đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất tạo khả năng phát triển; chuyển hướng một số đơn vị sản xuất kinh doanh sang hoạt động dịch vụ; nhập một số đơn vị tính chất sản xuất kinh doanh giống nhau thành những đơn vị mới; giải thể những đơn vị sản xuất kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ kéo dài. Đến nay hiện có 32 doanh nghiệp đang hoạt động, một

số đơn vị đã hội nhập được vào cơ chế thị trường, có bước phát triển khá.

Trong kinh tế hợp tác, đã có 12 hợp tác xã nông nghiệp chuyển hướng sang làm dịch vụ một số khâu cho hộ nông dân, 2 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đang chuyển đổi mô hình theo hướng hợp tác xã đổi mới, bước đầu hoạt động có hiệu quả. Bên cạnh đó, trong nông thôn đang xuất hiện những hình thức hợp tác mới tự nguyện để giải quyết một số khâu mà từng hộ riêng lẻ thực hiện không hiệu quả.

Các doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển từ 30 đơn vị năm 1992 lên 95 đơn vị hoạt động kinh doanh các lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, thương mại, dịch vụ, chế biến gỗ... Một số ít doanh nghiệp có doanh thu tăng nhanh, có vốn trên hàng tỷ đồng, năng động trong kinh doanh đã tạo không khí cạnh tranh sôi động trên thị trường.

Việc cấp quyền sử dụng ruộng đất được tiến hành ở hầu hết các xã phường vùng đồng bằng, có trên 70% hộ với 15.900 ha (trong đó 85% là đất lúa) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất. Vai trò tự chủ sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ ở nông thôn, vùng biển ngày càng phát huy rõ nét trong đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp (mở rộng diện tích nho, cây thực phẩm, cây công nghiệp), phát triển năng lực khai thác hải sản, mở rộng diện tích nuôi tôm, đầu tư thiết bị máy móc nông nghiệp, nghề cá, phương tiện vận tải... Hiện

nay, có 24% số hộ vừa sản xuất nông nghiệp vừa kết hợp nghề phụ hoạt động khá ổn định, trong đó có 9% hộ sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ, thương nghiệp, xây dựng. Gần 400 hộ đã mua sắm máy kéo riêng, máy xay xát, máy tuốt lúa để hoạt động kinh doanh phục vụ sản xuất nông nghiệp ở nông thôn.

2/ Các vấn đề về văn hoá, xã hội được quan tâm chỉ đạo và có những chuyển biến, tiến bộ.

Đảng bộ luôn quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội nhằm ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Bằng nguồn vốn 327 (17,8 tỷ), vốn giải quyết việc làm (9,2 tỷ), vốn xoá đói giảm nghèo (2,4 tỷ), vốn định canh định cư, vốn kinh tế mới, vốn đóng góp của các đoàn thể quần chúng đã góp phần quan trọng giải quyết việc làm, thực hiện xoá đói, giảm nghèo, đồng thời tích cực chỉ đạo thực hiện các chương trình nước sạch ở nông thôn, phát triển mạng lưới điện... Nhờ vậy hàng năm đã giải quyết trên 4.000 lao động có việc làm, đời sống nhân dân ở các vùng trong tỉnh có cải thiện, hộ khá, giàu tăng lên, hộ nghèo thu hẹp dần (từ 22,8% năm 1993 xuống còn 9,15% năm 1995). Tính đến năm 1995, có 42/54 xã có điện, 32,1% số hộ dùng nước sạch, 33,8% số hộ có máy thu hình, 21% số hộ có xe gắn máy, 52,4% số hộ có nhà bán kiên cố và kiên cố.

Chính sách xã hội và chính sách hậu phương quân đội được thực hiện khá. Các đối tượng chính sách được chăm lo hơn trước, công tác quy tập mộ liệt sĩ, giải

quyết tồn đọng về chính sách sau chiến tranh có nhiều cố gắng. Đã có 1 huyện, 9 xã-phường và 3 cá nhân mới được công nhận là anh hùng lực lượng vũ trang, 110 bà mẹ được Nhà nước tặng và truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng. Phong trào đền ơn đáp nghĩa ngày càng được mở rộng. Người có công, thương binh, gia đình liệt sĩ và các bà mẹ anh hùng được nhiều cơ sở kinh tế và đơn vị sự nghiệp tự nguyện giúp đỡ, phụng dưỡng.

- Sự nghiệp giáo dục đào tạo tiếp tục phát triển theo hướng xã hội hoá, hệ thống trường lớp được đổi mới, các loại hình đào tạo được đa dạng hoá, bước đầu ngăn chặn đà suy giảm về chất lượng giáo dục. Số học sinh phổ thông tăng bình quân 7,9%, từ 75.940 học sinh (1992) tăng lên 93.200 học sinh (1995). Số người được huy động ra các lớp phổ cập từ 1.434 người/1992 tăng lên 6.000 người/1995. Hoàn thành cơ bản việc tách cấp I, đào tạo đa hệ ở trường Sư phạm, hình thành các trường, lớp bán công, thí điểm trường chuyên ban. trường chất lượng cao. Hai trường phổ thông dân tộc nội trú, trung tâm hướng nghiệp dạy nghề đã được củng cố và nâng cấp. Cơ sở vật chất ở các trường học, một số phương tiện dạy học hiện đại được tăng cường (phòng Lab, máy vi tính). Công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên được chú ý, bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo. Hoạt động thanh tra trường học đang phát huy tác dụng góp phần xây dựng kỷ cương trong hoạt động giáo dục.

- Công tác chăm lo sức khỏe nhân dân có chuyển biến khá hơn trước. Ý thức phòng, chống dịch bệnh trong xã hội đã được nâng lên, góp phần hạn chế các loại dịch bệnh phát sinh. Các chương trình quốc gia về y tế được tập trung chỉ đạo và đạt nhiều kết quả, hoạt động tiêm chủng mở rộng 6 bệnh cho trẻ em đều đạt chỉ tiêu, số trẻ em suy dinh dưỡng đang từng bước hạn chế. Chất lượng khám, điều trị ở các tuyến, nhất là tuyến tỉnh được nâng lên. Hệ thống cơ sở vật chất ngành y tế trong toàn tỉnh đã được nâng cấp, kể cả trang thiết bị. Hầu hết các xã đều có trạm y tế, y sĩ và dụng cụ khám chữa bệnh. Nhận thức trong nhân dân về kế hoạch hoá gia đình có chuyển biến bước đầu, tỷ lệ phát triển dân số qua các năm đều giảm dần.

- Mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân ở các vùng đều được nâng lên, kể cả ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Hoạt động văn hoá ở cơ sở có chuyển biến, khởi sắc. Đã có hơn 50 đội nghệ thuật quần chúng, 15 đội thông tin lưu động, 12 làng văn hoá, bước đầu góp phần xây dựng nếp sống văn hoá mới vùng nông thôn. Đoàn nghệ thuật ca múa nhạc, đoàn nghệ thuật bán chuyên dân tộc Chăm đều đạt các giải cao trong các hội diễn khu vực và trên toàn quốc. Hoạt động thể dục thể thao quần chúng ở cơ sở, trường học bước đầu phát triển. Các giải thi đấu ở các cấp từ tỉnh đến cơ sở được hưởng ứng rộng rãi. Các đội bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ của tỉnh từng bước kiện toàn và có thành tích trong các giải quốc gia.

Công tác phát thanh, truyền hình, báo chí hoạt động ngày càng phong phú về nội dung, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng trong nhân dân, từng bước nâng cao ý thức chính trị, tăng lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đã cơ bản phủ sóng truyền hình, truyền thanh, phát hành báo chí đến cơ sở.

3/ Kinh tế xã hội ở miền núi có chuyển biến trên một số mặt.

Quy hoạch tổng thể kinh tế-xã hội miền núi đã được xây dựng và quan tâm chỉ đạo theo hướng nông-lâm kết hợp, gắn trồng trọt, chăn nuôi với bảo vệ và chăm sóc rừng.

Sản lượng lương thực đạt được 5.770 tấn/1995 tăng 440 tấn so năm 1992, gia súc có sự phát triển nhanh, phần lớn hộ nông dân đã chăn nuôi bò sinh sản theo hướng sản xuất hàng hoá. Ngoài sự hỗ trợ một phần của Nhà nước, đồng bào dân tộc đã tự đầu tư vốn để chăn nuôi, nhiều xã đàn gia súc phát triển khá, đưa tổng đàn bò lên 14.900 con. Nhiều gia đình đã xây nhà khang trang nhờ có thu nhập từ chăn nuôi gia súc. Bằng nguồn vốn bảo vệ rừng theo chương trình 327, trong 3 năm (1993-1995) có hơn 1.600 hộ được giao khoán bảo vệ rừng, góp phần giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc và tạo điều kiện cho gần 10% hộ miền núi giảm bớt khó khăn về đời sống, nạn đói giáp hạt giảm rõ rệt. Cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ngày

càng được tăng cường. Tổng vốn ngân sách đầu tư cho miền núi trong các năm qua khoảng 11 tỷ đồng tập trung xây dựng một số công trình như hệ thống thủy lợi Sông Pha, kênh 19/5, đập Tà Nôi; nâng cấp tuyến đường từ Hoà Sơn - Ma Nối, Tân Sơn - Phước Đại, Đồng Mé - Phước Trung, Ninh Bình - Phước Bình và đường dây điện về 6 xã từ Tân Sơn đến Phước Thành... Lĩnh vực văn hoá-xã hội bước đầu có chuyển biến. Hầu hết các thôn bản đã có lớp tiểu học, các xã đều có trạm y tế, một số làng văn hoá được xây dựng, công tác chăm sóc sức khỏe và đời sống văn hoá tinh thần vùng đồng bào dân tộc có khá hơn trước.

4/ Quốc phòng-an ninh được giữ vững, tiềm lực phòng thủ và khả năng sẵn sàng chiến đấu được tăng cường hơn trước.

Đảng bộ luôn quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược, vừa tập trung phát triển kinh tế-xã hội, đồng thời củng cố và nâng cao nhận thức trong cán bộ và nhân dân về nhiệm vụ giữ vững quốc phòng an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân. Các lực lượng vũ trang có bước trưởng thành trên cả 3 mặt : tư tưởng, tổ chức và trang bị khí tài. Đã xây dựng các phương án A1, A2; hàng năm tiến hành diễn tập và hoàn thiện dần các phương án phòng thủ, trình độ tổ chức chỉ huy và hợp đồng tác chiến được nâng lên. Bộ đội tập trung, dân quân tự vệ và quân dự bị động viên tăng về số lượng và

nâng cao trình độ chính trị, ý thức cảnh giác và tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Công tác tuyển quân được tổ chức tốt hơn, đạt và vượt chỉ tiêu đề ra hàng năm.

Lợi dụng tình hình thế giới diễn biến phức tạp, những năm qua, các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động chống phá, kích động nhằm gây chia rẽ, phát triển thế lực và ngấm ngầm móc nối. Trước tình hình đó, Đảng bộ đã chú trọng giáo dục và nâng cao ý thức cảnh giác cho cán bộ, đảng viên và quần chúng thấy rõ âm mưu thủ đoạn của địch, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ. Chủ động phát hiện và xử lý tốt các điểm nóng, mở các cao điểm tấn công tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn giao thông và trật tự công cộng. Quan tâm chăm lo xây dựng lực lượng Công an nhân dân trưởng thành đủ sức giữ vững ổn định về an ninh chính trị và tạo bước chuyển biến về trật tự an toàn xã hội.

5/ Hệ thống chính trị được củng cố và kiện toàn một bước, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, ổn định tình hình chính trị, xã hội.

a/ Về xây dựng Đảng đã đạt được kết quả tương đối toàn diện trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Để thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội VIII, quan tâm hàng đầu của Đảng bộ là quán triệt, đường lối đổi mới của Nghị quyết Đại hội VII, các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương và của Tỉnh uỷ đến các

ngành, các cấp trong Tỉnh... Các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương đều được cụ thể hoá thành các nghị quyết và chương trình hành động để tổ chức triển khai thực hiện. Nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng lên, hiểu sâu hơn đường lối đổi mới và càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, không có biểu hiện đa nguyên, đa đảng. Công tác tư tưởng đã từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng. Chương trình lý luận phổ thông, công tác giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh được tăng cường hơn trước, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 “về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng”, Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo và thực hiện việc đổi mới chỉnh đốn về tổ chức. Từ Tỉnh uỷ đến các chi, đảng bộ ở cơ sở đã nghiêm túc thực hiện nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy được dân chủ nội bộ. Hầu hết các cấp uỷ, chi bộ duy trì được chế độ sinh hoạt theo điều lệ Đảng và có bước cải tiến về nội dung sinh hoạt, thực hiện thành nề nếp chế độ tự phê bình và phê bình hàng năm. Giải quyết và khắc phục tình trạng mất đoàn kết trong nội bộ một số ngành, một số tổ chức cơ sở Đảng. Hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp được chấn chỉnh một bước theo hướng tinh gọn. Qua Đại hội đã tiến hành kiện toàn Ban chấp hành Đảng bộ các cấp trong tỉnh, số cấp uỷ viên

trẻ tăng lên, chất lượng Ban chấp hành các cấp có nâng lên về các mặt. Đã thành lập các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các ban, ngành cấp tỉnh.

Các tổ chức cơ sở Đảng được kiện toàn một bước về tổ chức, giảm cơ sở ghép và thu hẹp địa bàn chưa có đảng viên, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, chi bộ đã được nâng lên. Đến nay toàn tỉnh có 256 tổ chức cơ sở Đảng (gồm 42 đảng bộ và 214 chi bộ cơ sở) tăng 12,2% so với năm 1992.

Các đảng bộ, chi bộ xã, phường đã coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương. Các tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp đã chú ý nhiều hơn công tác giáo dục tư tưởng và tham gia lãnh đạo sản xuất-kinh doanh. Tổ chức Đảng trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang chú trọng công tác giáo dục chính trị-tư tưởng, bám sát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; trong từng thời gian, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn.

Kết quả phấn đấu trong nhiệm kỳ qua đã có nhiều tổ chức cơ sở Đảng yếu kém vươn lên khá và số khá vươn lên vững mạnh. Năm 1995 toàn tỉnh có 45,6% tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh (tăng 22,4% so năm 1992, vượt chỉ tiêu Đại hội VIII đề ra), có 50,8% tổ chức cơ sở Đảng xếp loại khá, 3,6% tổ chức cơ sở Đảng yếu kém.

Đội ngũ đảng viên của Đảng bộ được tăng thêm cả về số lượng và chất lượng. Công tác phát triển đảng viên mới trong những năm qua được chỉ đạo và thực hiện tích cực, toàn tỉnh đã kết nạp 843 đảng viên (chỉ tiêu đề ra 700 - 800). Toàn Đảng bộ hiện có 4.369 đảng viên (trong đó có 437 đảng viên dự bị), so với năm 1992 tăng 677 đảng viên (18,6%), trình độ các mặt của đảng viên đều tăng lên. Số đông đảng viên đều giữ vững phẩm chất chính trị, tin tưởng vào sự đổi mới của Đảng, giữ gìn đạo đức, lối sống trong sáng, giản dị, nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao có ý thức tổ chức kỷ luật, liên hệ tốt với quần chúng.

Công tác kiểm tra Đảng trong nhiệm kỳ qua có nhiều tiến bộ. Từ Tỉnh uỷ đến các huyện, thị và đảng uỷ trực thuộc đã tổ chức nhiều đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, 4, 5, 7... Các mặt công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định được duy trì. Đã tiến hành kiểm tra 1.150 lượt đảng viên về chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức và tư cách. Giải quyết kịp thời thư, đơn tố cáo cán bộ, đảng viên và thư khiếu nại kỷ luật của đảng viên. Tiến hành thường xuyên việc kiểm tra Đảng viên và xét xử kỷ luật một chi bộ cơ sở, 180 vụ vi phạm bằng các hình thức kỷ luật của Đảng, trong đó đưa ra khỏi Đảng 84 đảng viên không đủ tư cách, có 43 đảng viên bị kỷ luật khai trừ. Kết quả kiểm tra các tổ chức Đảng và đảng viên đã góp phần ngăn chặn kịp thời những trường hợp vi phạm có thể xảy ra, giúp cho

cấp uỷ các cấp thực hiện tốt hơn chức năng lãnh đạo và giữ vững tính tổ chức kỷ luật, bảo đảm được đoàn kết và dân chủ trong Đảng.

Tỉnh uỷ đã chỉ đạo triển khai thực hiện chỉ thị 23 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới. Các cấp uỷ và các tổ chức Đảng đã hiểu rõ hơn tầm quan trọng của công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Trong quá trình thực hiện nghị quyết, các cấp uỷ Đảng đã chỉ đạo kết hợp, gắn công tác xây dựng Đảng với bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ. Coi trọng việc củng cố xây dựng hệ thống chính trị và công tác giáo dục chính trị tư tưởng đi đôi với việc kiểm tra củng cố, nâng cao chất lượng đảng viên. Đã tiến hành một bước công tác rà soát tình hình chính trị nội bộ trước hết là các chức danh chủ chốt của Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp trong tỉnh. Xem xét và kết luận một số trường hợp phát triển đảng viên có liên quan về lịch sử chính trị, thực hiện xây dựng Đảng trong sạch ngay từ khâu kết nạp.

Về công tác cán bộ : Đã thực hiện một bước đổi mới công tác cán bộ, đưa công tác này đi dần vào nề nếp theo nguyên tắc cấp uỷ thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong khâu đánh giá tuyển chọn, đề bạt, bổ nhiệm và phân công cán bộ. Từ đó đã giải quyết được cơ bản yêu cầu sắp xếp bố trí cán bộ chủ chốt, cán bộ chuyên môn trong hệ thống chính trị và các ban, ngành cấp tỉnh.

Công tác đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị, kiến thức quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước và kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ được chú ý hơn. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cấp tỉnh tăng lên 2,7 lần, trẻ hơn, kiến thức và khả năng đảm đương công tác được nâng lên.

Các cấp uỷ trong tỉnh đã có nhiều cố gắng, đổi mới một bước phương thức lãnh đạo. Các nghị quyết của Tỉnh uỷ, các dự án phát triển đều được chuẩn bị công phu, thông qua các hội nghị tư vấn. Việc kiểm tra thực hiện nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ đã được chú ý hơn trước. Thiết lập được mối quan hệ giữa cấp uỷ với chính quyền và các đoàn thể ngày càng tốt hơn, bước đầu khắc phục tình trạng chạy theo công việc sự vụ, bao biện làm thay chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

b/ Năng lực điều hành của bộ máy chính quyền được nâng lên, bước đầu có thêm kinh nghiệm trong công tác xây dựng chính quyền.

Các cấp uỷ Đảng đã quan tâm chỉ đạo củng cố bộ máy và tăng cường công tác cán bộ, nhân sự HĐND, UBND nhất là sau kỳ bầu cử HĐND các cấp. Tiến hành sắp xếp phân công các ban ngành hợp lý và phát huy được hiệu quả. HĐND các cấp hoạt động có chất lượng hơn, trong các kỳ họp đã đề ra những nghị quyết và biện pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Điều hành của UBND các cấp đi dần vào nề nếp, thực hiện chương trình mục tiêu theo nghị

quyết Đảng, nghị quyết HĐND, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đã ban hành quy chế làm việc UBND tỉnh, quy định chức năng, quyền hạn các cơ quan trực thuộc, các đơn vị sự nghiệp. Tiến hành xây dựng kế hoạch và bước đầu thực hiện một số công tác về cải cách hành chính theo tinh thần nghị quyết Trung ương 8 và kế hoạch của Chính phủ. Hầu hết các cơ quan cấp tỉnh, huyện thị xã có quy chế làm việc, quy chế trình tự giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân. Đã xây dựng được 249 Ban quản lý thôn, khu phố, góp phần củng cố hệ thống chính trị cơ sở giải quyết kịp thời những phát sinh trong nội bộ nhân dân.

Các cấp uỷ và chính quyền đã quan tâm chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật. Giải quyết kịp thời các đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Quán triệt và bước đầu thực hiện tốt chỉ thị 29 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật. Công tác điều tra truy tố, xét xử nhất là các vụ án điểm có nhiều chuyển biến tiến bộ, hạn chế thấp nhất án đình chỉ. Công tác thanh tra và đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, kết quả thực hiện có tiến bộ so với trước. Trong 3 năm 1993 - 1995, các cơ quan chức năng đã phát hiện 81 vụ tham nhũng, xử lý thu hồi vào công quỹ 1,7 tỷ đồng và 160 chỉ vàng. Phát hiện nhiều vụ buôn bán hàng cấm và kinh doanh trái phép lậu thuế, truy thu kịp thời vào ngân sách nhà nước. Tổ chức nhiều cuộc thanh kiểm tra

ở các đơn vị, phát hiện các vụ sai phạm làm thiệt hại công quỹ nhà nước và đã thu hồi 2,4 tỷ/5,1 tỷ đồng.

c/ Công tác quần chúng của Đảng bộ có những chuyển biến tiến bộ; hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể đã góp phần tích cực trong việc tập hợp đoàn kết các lực lượng, phát huy quyền làm chủ và giữ vững ổn định chính trị.

Từ sau tách tỉnh, Tỉnh uỷ đã quan tâm chỉ đạo công tác Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, đã cụ thể hoá các nghị quyết Trung ương về công tác dân vận, mặt trận, đoàn thể như : nghị quyết Bộ Chính trị về công tác phụ nữ, mặt trận, nghị quyết Ban chấp hành Trung ương về thanh niên, công đoàn thành các nghị quyết và chương trình hành động, triển khai đến cơ sở, và tiến hành sơ kết thực hiện nghị quyết 8B. Do đó quan điểm đối với quần chúng và nhận thức về công tác quần chúng trong Đảng bộ được nâng lên. Các cấp uỷ, chính quyền ở các địa phương và cơ sở đã quan tâm đến công tác dân vận. Tỉnh uỷ đã thành lập Ban Dân vận tỉnh uỷ, các huyện-thị uỷ có Ban Dân vận và trưởng ban là Thường vụ cấp uỷ, các cơ sở Đảng đều có cấp uỷ viên phụ trách công tác dân vận.

Mặt trận và các đoàn thể từng bước có đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Mặt trận đã quan tâm giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến các giai tầng xã hội và giữ được mối liên hệ thường xuyên với những người tiêu biểu trong các tầng lớp.

các dân tộc và các tôn giáo. Khối đại đoàn kết dân tộc trong tỉnh ngày càng được tăng cường, góp phần giải quyết có hiệu quả nhiều vấn đề kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng. Các đoàn thể Liên đoàn lao động, Phụ nữ, Thanh niên, Nông dân, Cựu chiến binh, đã đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng có chú ý gắn hoạt động với quyền lợi thiết thực của đoàn viên, hội viên; cố gắng chuyển hướng hoạt động mạnh về cơ sở và trên địa bàn dân cư; đã phát động những phong trào thiết thực thu hút ngày càng đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia như phong trào xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, đền ơn đáp nghĩa, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, bồi dưỡng tài năng trẻ... Lực lượng hội viên, đoàn viên tiếp tục được phát triển về số lượng, chất lượng ngày càng được nâng lên.

II/ KHUYẾT ĐIỂM VÀ TỒN TẠI :

1/ Nền kinh tế tuy có phát triển nhưng tăng trưởng chưa đều và chưa vững chắc, hiệu quả thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.

GDP bình quân đầu người còn thấp. Cơ cấu kinh tế chung chuyển dịch còn chậm và chưa hợp lý, tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu chỉ ở mức 10,7% (cả nước là 29,6%), công nghiệp chế biến nhất là chế biến nông-lâm-thủy sản và sản phẩm tiêu dùng chưa có sự chuyển biến đáng kể, tỷ trọng nông nghiệp và thủy sản còn rất lớn (56,9%).

Trong nông nghiệp : chậm quy hoạch cụ thể cho từng loại cây trồng và vật nuôi. Chưa phát huy và quản lý tốt năng lực tưới của các công trình thủy lợi hiện có để tăng diện tích gieo trồng và năng suất cây trồng. Đàn gia súc có sừng phát triển chưa cân đối với thức ăn, đồng cỏ, nguồn nước. Gia súc phổ biến là tầm vóc nhỏ, trọng lượng xuất chuồng thấp nhưng việc lai tạo đàn bò tiến triển chậm. Công tác bảo vệ rừng đầu nguồn chưa có hiệu quả, nạn phá rừng, khai thác gỗ lậu diễn ra rất nghiêm trọng đe dọa sự cân bằng sinh thái, gây thiệt hại môi trường, nguồn tài nguyên, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và sự đoàn kết dân tộc. Kinh tế nông thôn còn mang nặng tính chất thuần nông, ngành nghề chậm phát triển.

Trong thủy sản, thuyền máy nhỏ còn nhiều; số thuyền có công suất từ 45 CV chỉ mới chiếm gần 10%, phương tiện trang bị trên thuyền phổ biến còn lạc hậu. Mật độ khai thác ven bờ cao, tình trạng khai thác hải sản bằng chất nổ, bằng ánh sáng mạnh, bằng xung điện chưa được ngăn chặn có hiệu quả, đang là nguy cơ làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản. Chưa có giải pháp cơ bản khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường vùng nuôi tôm giống, tôm thịt.

Quy mô sản xuất công nghiệp còn nhỏ bé, cơ cấu chưa hợp lý nhưng chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, do vậy phổ biến là thiết bị công nghệ lạc hậu, chất lượng sản phẩm kém và sức cạnh tranh trên thị trường

thấp. Công nghiệp cơ khí thiếu quy hoạch và lúng túng trong hoạt động, chưa đáp ứng sửa chữa lớn máy nông nghiệp, máy thủy, phương tiện vận tải và các nhu cầu đa dạng khác của nhân dân. Đội ngũ cán bộ quản lý công nghiệp và công nhân có tay nghề cao còn thiếu; đây là khó khăn lớn để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế.

Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu còn nghèo nàn, đơn điệu chưa tìm được nhiều đối tác đầu tư để xây dựng cơ sở mới, tạo thêm mặt hàng mới, hàm lượng kỹ thuật trong sản phẩm còn thấp. Hoạt động kinh doanh du lịch chưa tạo ra sự hấp dẫn, thu hút du khách, chưa hình thành môi trường du lịch nghỉ dưỡng và du lịch văn hoá.

Nguồn thu ngân sách còn hạn hẹp, chưa có nguồn thu chủ lực từ các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, tình trạng thất thu còn nhiều, mức huy động vào ngân sách nhà nước chỉ đạt gần 8% GDP toàn tỉnh. Ý thức động viên sự đóng góp của nhân dân vào việc xây dựng những công trình phúc lợi công cộng ở thôn xã còn yếu. Ý thức tiết kiệm chưa được quán triệt đầy đủ và thực hiện chưa nghiêm. Khoảng cách giữa thu và chi ngân sách còn lớn, hàng năm Trung ương còn phải trợ cấp ở mức cao.

Trong đầu tư phát triển : các công trình trọng điểm thi công chậm, chưa phát huy tác dụng kịp thời. Nhiều công trình không được quản lý chặt chẽ từ khâu thiết kế và lập dự toán ban đầu, chất lượng công trình thấp, còn

có tình trạng lãng phí, thất thoát. Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội trên phạm vi toàn tỉnh tuy có cải thiện nhưng về cơ bản còn thiếu thốn và lạc hậu, nhất là thủy lợi, giao thông, bến cảng.

Hoạt động khoa học công nghệ chưa tác động mạnh đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong nông nghiệp, giống mới và các quy trình sản xuất hợp lý chưa được ứng dụng rộng rãi. Trong thủy sản, phong trào cải tiến, trang bị phương tiện tiên tiến trên thuyền chưa phát triển mạnh. Việc ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất chưa được chú trọng. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật chưa được chú ý đào tạo, bố trí và sử dụng hợp lý, thiếu cán bộ đầu đàn. Vai trò tư vấn của hội đồng khoa học cấp ngành và cấp tỉnh trong việc xây dựng các dự án kinh tế, các chính sách ở địa phương còn hạn chế.

Năng lực quản lý sản xuất kinh doanh và tổ chức thị trường trong các doanh nghiệp Nhà nước còn yếu, năng suất lao động thấp, chất lượng hàng hoá chưa cao, sức cạnh tranh không mạnh, tích lũy và nộp ngân sách ít, vai trò chủ đạo đối với sự phát triển của nền kinh tế còn yếu. Hoạt động của thương nghiệp quốc doanh trên thị trường nông thôn, miền núi, ven biển ngày càng thu hẹp; quản lý kinh doanh còn nhiều mặt yếu kém. Tỉnh uỷ và các cấp uỷ đều lúng túng và thiếu kiên quyết trong việc đổi mới nội dung và phương thức quản lý hợp

tác xã nông nghiệp. Đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, vừa thiếu các chính sách khuyến khích, động viên thành phần kinh tế tư nhân đầu tư vào khu vực sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, hàng tiêu dùng; vừa quản lý chưa chặt chẽ, còn nhiều sơ hở. Các doanh nghiệp tư nhân tuy ngày càng phát triển nhưng nghĩa vụ nộp ngân sách, đóng góp vào các hoạt động phúc lợi chung còn rất ít.

2/ Trên lĩnh vực văn hoá-xã hội còn tồn tại những vấn đề bức xúc.

Tỷ lệ phát triển dân số hàng năm vẫn còn cao. Đời sống vật chất và văn hoá của một bộ phận nhân dân còn rất khó khăn, khoảng cách về đời sống giữa các vùng còn khá lớn, hộ nghèo còn chiếm khoảng 9,15%. Đời sống người ăn lương trong khu vực hành chính, cán bộ hưu trí còn khó khăn. Lao động không có việc làm và việc làm không ổn định còn nhiều nhất là vùng thành thị, vùng biển. Các chương trình xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm triển khai chậm và thiếu kiểm tra uốn nắn kịp thời. Phong trào đền ơn đáp nghĩa chưa trở thành phong trào rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Nhận thức trách nhiệm trong nhân dân về các vấn đề văn hoá-xã hội chưa cao, còn có tư tưởng ỷ vào Nhà nước. Cơ sở vật chất về giáo dục, văn hoá, y tế ở một số nơi còn yếu nhất là ở miền núi. Công tác quản lý hoạt động kinh doanh văn hoá còn buông lỏng; tệ nạn xã hội

có chiều hướng phát triển, tai nạn giao thông còn nhiều; ý thức vệ sinh, phòng dịch còn hạn chế, bệnh dịch vẫn còn xảy ra, môi trường bị ô nhiễm.

3/ Kinh tế xã hội miền núi chuyển biến chậm và còn nhiều khó khăn. Sản xuất mang tính tự cung, tự cấp còn nặng, số trẻ em thất học, người lớn mù chữ còn nhiều, chất lượng khám chữa bệnh của tuyến y tế cơ sở còn thấp. Cơ sở vật chất còn thiếu thốn, nhất là về thủy lợi và giao thông.

4/ Nhận thức về hai nhiệm vụ chiến lược và chống âm mưu diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của địch trong nội bộ và nhân dân chưa sâu, kỹ; ý thức cảnh giác của một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa cao. Công tác bảo vệ nội bộ có mặt còn yếu cả trong nội bộ và ngoài xã hội. Chất lượng tham mưu của các lực lượng vũ trang đối với các cấp uỷ, chính quyền trên một số lĩnh vực chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ mới. Chưa kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế và giữ vững quốc phòng-an ninh.

5/ Đổi mới, chỉnh đốn Đảng và hoạt động trong hệ thống chính trị kết quả chưa cao.

Công tác bồi dưỡng lý luận về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm đổi mới của Đảng cho cán bộ đảng viên chưa căn bản và có hệ thống. Ở một số tổ chức cơ sở Đảng, chất lượng hoạt động còn hạn chế, sinh hoạt Đảng chưa được cải tiến, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ chưa thật đầy

đủ, đấu tranh với những biểu hiện sai trái chưa mạnh. Công tác quy hoạch đào tạo cán bộ chậm.

Quy chế làm việc đã được xây dựng nhưng thực hiện chưa nghiêm. Năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng ở một số địa phương, ngành còn hạn chế. Mối quan hệ giữa cấp uỷ cơ sở với ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, với Thủ Trưởng ở một số nơi còn lúng túng, chưa phân định rõ ràng...

Vai trò giám sát của HĐND đối với hoạt động UBND các cấp, các ngành còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Hiệu lực quản lý và điều hành của UBND các cấp còn thấp, kỷ cương, phép nước trong xã hội chưa được chấp hành nghiêm chỉnh, một bộ phận còn có hành vi tư lợi, cửa quyền, mất dân chủ, quan liêu, thiếu sâu sát. Mối quan hệ giữa chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể có nơi, có lúc chưa chặt chẽ, biện pháp thực hiện cải cách hành chính còn lúng túng. Đội ngũ công chức, viên chức còn yếu so với yêu cầu chuyên môn, một bộ phận chưa thể hiện đầy đủ ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao.

Sự phối hợp giữa Mặt trận và các tổ chức thành viên trong việc vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng chưa thật chặt chẽ và đồng bộ. Vai trò nòng cốt của các đoàn thể nhất là ở cơ sở còn hạn chế trong việc động viên rộng rãi quần chúng trong các phong trào hành động cách mạng. Việc đổi mới nội

dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng mới chỉ bước đầu, chưa cơ bản và vững chắc. Một số cấp uỷ chưa đi sâu nghiên cứu chỉ đạo, lãnh đạo củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới. Chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác quần chúng, nhất là ở cơ sở chưa được giải quyết hợp lý.

Mặc dù còn có những khuyết điểm tồn tại, nhưng nhìn chung thành tựu nổi bật trong 4 năm qua là vừa xây dựng ổn định mọi mặt của một tỉnh mới, vừa đẩy mạnh sản xuất có bước phát triển khá, liên tục tăng trưởng trên các mặt nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xuất nhập khẩu, kinh tế đối ngoại và dịch vụ. Cơ sở vật chất của nền kinh tế và cơ sở hạ tầng xã hội được tăng cường đáng kể. Văn hoá xã hội có nhiều chuyển biến. Đạt và vượt các mục tiêu quan trọng do nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đề ra. Đời sống nhân dân ổn định và cải thiện một bước. Hệ thống chính trị được củng cố, quốc phòng an ninh được giữ vững. Những thành tích đó là tương đối toàn diện và quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cao hơn trong thời kỳ mới.

Có được thành quả trên là do những nguyên nhân chính sau đây :

Đường lối, chính sách đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã đi vào cuộc sống, khơi dậy lòng tin và sự phấn khởi của mọi tầng lớp nhân dân. Tỉnh uỷ đã vận dụng đường lối đúng đắn đó vào tình hình cụ thể của

địa phương, phát huy được những nguồn lực của xã hội hướng vào công cuộc phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội.

Sự chỉ đạo và chỉ viện của Trung ương kịp thời và có hiệu quả trên nhiều mặt, đặc biệt là về tài chính, ngân sách đáp ứng nhu cầu cấp bách trong đầu tư xây dựng tỉnh mới, khắc phục được khó khăn thiếu thốn ban đầu.

Chỉ đạo, điều hành của các cấp uỷ và chính quyền ngày càng có kinh nghiệm, phát huy được vai trò trong quản lý kinh tế xã hội, giữ vững quốc phòng-an ninh, ổn định chính trị.

Sự đoàn kết, nhất trí trong toàn Đảng bộ và trong nhân dân đã phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực tự cường vượt qua khó khăn thử thách, giải quyết được những yêu cầu nhiệm vụ đã đề ra.

Tuy nhiên, những khó khăn vẫn còn rất lớn, nổi lên những vấn đề sau đây :

Nền kinh tế trong những năm qua tuy có bước phát triển, nhưng tỉnh ta vẫn còn là một tỉnh nghèo, đời sống nhân dân ở các vùng không chủ động nước, vùng sản xuất bắp bênh còn rất khó khăn, mất cân đối lớn giữa nhu cầu đầu tư phát triển và khả năng huy động vốn tại địa phương. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu kinh tế còn rất thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội còn nhiều mặt yếu kém; năng lực sản xuất hầu hết của các ngành kinh tế còn nhỏ bé nhất là trong công nghiệp, thủy sản.

Nguồn nhân lực có kiến thức còn ít, trình độ khoa học công nghệ chưa đáp ứng so với yêu cầu.

Các mặt văn hoá xã hội còn nhiều tồn tại và hạn chế. Dân số tăng nhanh, lao động thiếu việc làm còn lớn. Hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đời sống tinh thần và thể lực cho nhân dân. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên một số mặt còn diễn biến phức tạp; chưa ngăn chặn có hiệu quả những hành vi tiêu cực, tham nhũng.

Công tác giáo dục chính trị-tư tưởng trong Đảng và nhân dân chưa sâu kỹ. Tổ chức Đảng chưa được củng cố, kiện toàn thật vững chắc. Đội ngũ đảng viên còn mỏng nhất là ở một số cơ sở và lĩnh vực quan trọng về kinh tế, an ninh quốc phòng. Công tác vận động quần chúng tuy có đổi mới nhưng chưa đạt yêu cầu, một số không ít đoàn thể ở cơ sở hoạt động yếu, chậm được củng cố.

Những thiếu sót tồn tại trên do nhiều nguyên nhân, bên cạnh những nguyên nhân khách quan nhất là thời gian sau tách tỉnh còn ngắn, điểm xuất phát của nền kinh tế thấp, nhưng về chủ quan là do những nguyên nhân chủ yếu như sau :

Nhận thức về đường lối đổi mới của Đảng trong nội bộ và nhân dân, nhất là về tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn ở mức độ bước đầu, chưa sâu sắc; hiểu biết về những khó khăn, thuận lợi của địa phương chưa thật đầy đủ. Từ đó, việc vận dụng, tổ chức thực hiện

trên một số mặt còn lúng túng, chưa có các giải pháp đủ mạnh để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế-xã hội nhanh hơn, nhất là ở cấp lãnh đạo, chỉ đạo.

Trình độ và năng lực điều hành, chỉ đạo của cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ sản xuất kinh doanh vừa yếu, vừa thiếu, chưa được chú trọng quy hoạch, đào tạo, đào tạo lại tương xứng với yêu cầu của cơ chế mới. Đồng thời một bộ phận cán bộ tinh thần trách nhiệm chưa cao, chưa tiếp cận được cơ chế mới, thiếu tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

Phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ đảng chưa thật sự đổi mới và đi vào chiều sâu. Tính đồng bộ trong chỉ đạo điều hành, mối quan hệ giữa các cấp, các ngành chưa cao, còn trông chờ, ỷ lại đùn đẩy. Công tác kiểm tra thực hiện nghị quyết của Đảng ở các cấp chưa thường xuyên; chưa kịp thời uốn nắn những sai sót và rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện một số chương trình, đề án mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII đã đề ra.



Phần thứ hai



PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2000

BỐI CẢNH :

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là thời kỳ rất quan trọng mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta phải tiến vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Tình hình thế giới sau khi Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, nguy cơ chiến tranh hủy diệt bị đẩy lùi nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, các hoạt động can thiệp, bạo loạn lật đổ... vẫn còn xảy ra; khu vực châu Á - Thái Bình Dương vẫn còn tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang có những tiến bộ vượt bậc, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, điều khiển tự động phát triển mạnh làm thúc đẩy nhanh quá trình quốc tế hoá nền sản xuất và đời sống xã hội ở các nước, tạo ra sự cạnh tranh rất gay gắt về công nghệ, kỹ thuật, vốn, thị trường. Đồng thời xu thế hoà bình ổn định và hợp tác phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, các dân tộc, các nước có chế độ chính trị-xã hội khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình.

Công cuộc đổi mới 10 năm qua do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy còn một số mặt chưa được củng cố vững chắc nhưng đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, đang tạo ra thế và lực mới đưa đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công cuộc

công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Song 4 nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn là những thách thức lớn; gay gắt nhất, quyết liệt nhất vẫn là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và nguy cơ diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch hòng hướng nước ta đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế-xã hội tỉnh ta sau 4 năm xây dựng đã đạt được những thành tựu quan trọng, kinh tế liên tục tăng trưởng, cơ sở vật chất kỹ thuật được cải thiện một bước và đang phát huy tác dụng. Những lợi thế về sinh thái đối với sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp và tài nguyên khoáng sản còn có thể khai thác tốt hơn. Truyền thống đoàn kết và lòng tin của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới của Đảng và chính sách của nhà nước ngày càng tăng; tỉnh ta lại nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền đông nam bộ, có nhịp độ phát triển cao và năng động. Đó là những thời cơ, thuận lợi mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta phải nắm bắt và khai thác để khắc phục những khó khăn, vượt qua thử thách, bước vào thời kỳ phát triển mới.

Tuy nhiên những khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội ở giai đoạn mới mà Đảng bộ và nhân dân ta phải vượt qua còn rất lớn, đó là : điểm xuất phát của nền kinh tế tỉnh nhà còn rất thấp, nguồn thu vào ngân sách và tích lũy nội bộ còn nhỏ bé,

mất cân đối lớn giữa nhu cầu đầu tư phát triển với khả năng huy động vốn ở địa phương. Cơ sở vật chất tuy có cải thiện nhưng còn thấp so với yêu cầu phát triển, nhất là về thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng của nghề cá. Trong công nghiệp, thiết bị, công nghệ đổi mới chậm và lạc hậu. Khả năng tự tái đầu tư phát triển của các doanh nghiệp chưa cao, do ít vốn, hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp. Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp còn thiếu và chưa được đào tạo căn bản có hệ thống; thiếu công nhân kỹ thuật lành nghề. Tỷ lệ tăng dân số còn cao; lao động chưa có việc làm còn nhiều. Những nhân tố gây ra các điểm nóng còn có thể xuất hiện đòi hỏi phải tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh nhằm giữ vững ổn định chính trị - xã hội để phát triển.

I/ NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THỜI KỲ 1996 - 2000.

I/ Mục tiêu tổng quát :

Mục tiêu tổng quát thời kỳ 1996 - 2000 là tập trung sức động viên các tầng lớp nhân dân tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, khắc phục tồn tại, yếu kém, khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của địa phương và các nguồn lực bên ngoài, *đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, có hiệu quả và vững chắc hơn, đồng thời giải quyết tốt những vấn đề bức xúc về xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh, xây dựng tiềm lực kinh tế,*

phấn đấu đưa tỉnh ta vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển, nâng cao tích lũy nội bộ, cải thiện mức sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách tụt hậu, tạo tiền đề cho bước phát triển mạnh hơn sau năm 2000.

Để đạt được mục tiêu trên, nhiệm vụ trọng tâm 5 năm đến là : thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trước hết đối với các ngành nông nghiệp, nghề cá, công nghiệp, xây dựng và xuất nhập khẩu; huy động vốn đầu tư vào những ngành, những cây-con có điều kiện tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao; chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý trong từng ngành, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo ra sự phát triển năng động và toàn diện trong nền kinh tế tỉnh nhà.

2/ Nhiệm vụ và các mục tiêu chủ yếu :

a/ Tập trung phấn đấu trong giai đoạn 1996 - 2000 tăng trưởng kinh tế nhanh và toàn diện, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, ngư, công nghiệp, du lịch, dịch vụ theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, phát triển năng động; xoá hộ đói, giảm hộ nghèo tăng nhanh hộ khá và giàu từ hiệu quả sản xuất kinh doanh. Mức tăng trưởng (GDP) bình quân hàng năm từ 10 - 11%/năm, giá trị sản lượng nông-lâm nghiệp tăng bình quân hàng năm 6,5%, thủy sản tăng 10,7%, công nghiệp tăng 21,5%, khu vực dịch vụ tăng 12,2%, riêng xuất nhập khẩu tăng 28,2%. Đến năm 2000 tỷ trọng nông

lâm nghiệp và thủy sản chiếm 47,5% (trong đó thủy sản 15,1%), Công nghiệp 20,1%, khu vực dịch vụ 32,4% trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh. Mức bình quân GDP đầu người bằng 1,5 đến 1,8 lần so với năm 1995.

- Gắn đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện với sự phát triển các vùng sản xuất hàng hoá tập trung có giá trị kinh tế cao, có khả năng phát triển nhanh, giữ mức sản xuất lương thực từ 140.000 - 145.000 tấn để chuyển mạnh sang sản xuất cây công nghiệp, cây ăn trái, cây thực phẩm và chăn nuôi gia súc.

- Chuyển nhanh trọng tâm khai thác thủy sản ra vùng biển xa bờ bằng đầu tư phát triển thuyền lớn với ngành nghề và trang bị kỹ thuật tiên tiến để tăng sản lượng thủy sản lên 30.000 - 32.000 tấn, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, tạo điều kiện để thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế tỉnh nhà; phấn đấu để bảo đảm công nghiệp giữ vai trò động lực cho sự phát triển toàn bộ nền kinh tế. Trọng tâm là phát triển, nâng cao năng lực chế biến nông sản như đường, nho, thủy sản, thực phẩm, tăng nhanh công nghiệp vật liệu xây dựng, sản xuất cơ khí, nước khoáng và sản xuất hàng tiêu dùng, mở rộng quy mô sản xuất muối công nghiệp.

- Khoa học công nghệ phải trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh đối với trồng trọt, chăn nuôi, khai thác và nuôi trồng thủy sản, chế biến nông sản,

thực phẩm, các ngành công nghiệp; nâng cao hàm lượng kỹ thuật trong các sản phẩm hàng hoá.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu hàng năm, đạt mức 30 - 32 triệu USD vào năm 2000, tích cực tìm gọi đối tác đầu tư nước ngoài, tỉnh ngoài. Thúc đẩy thị trường trong tỉnh phát triển lành mạnh, phát triển thị trường nông thôn, vùng núi, vùng sâu. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các dịch vụ Bưu chính, viễn thông, vận tải, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, du lịch...

- Trên cơ sở tăng trưởng kinh tế trong các ngành sản xuất và dịch vụ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng để tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương, bảo đảm mức huy động thuế - phí vào ngân sách từ 16 - 18% GDP. Tự cân đối nhu cầu chi thường xuyên và bước đầu có tích lũy. Huy động tốt các nguồn vốn trong nhân dân bằng nhiều hình thức, chuẩn bị tốt các dự án đầu tư, tăng nhanh tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt mức 18 - 20% /GDP, trong đó vốn tự đầu tư từ các thành phần kinh tế chiếm khoảng 40%; hướng đầu tư vào mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cải thiện rõ nét kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và phúc lợi xã hội ở các vùng trong tỉnh.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế nhà nước hiện có, đổi mới hợp tác xã nông nghiệp và đa dạng hoá các hình thức kinh tế hợp tác ở nông thôn, thị xã, thị trấn từ thấp đến cao, mở rộng hình

thức hợp tác cổ phần, quỹ tín dụng nhân dân trong các xã, phường, thị trấn.

b/ Đặc biệt coi trọng phát triển kinh tế-xã hội miền núi, nhất là ở 17 xã đồng bào dân tộc miền núi theo hướng nông lâm kết hợp gắn với bảo vệ và chăm sóc rừng, phát triển gia súc có sừng, cải thiện đường sá, điện, nước sinh hoạt, nâng cấp trường học, trạm xá; chấm dứt nạn đói giáp hạt ở miền núi.

c/ Tạo sự chuyển biến quan trọng trên tất cả các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Thực hiện tốt chiến lược dân số kế hoạch hoá gia đình; giải quyết việc làm cho người lao động. Phổ cập tiểu học ở nông thôn và phổ cập cấp 2 cho thanh niên ở thị xã, thị trấn theo quan điểm xã hội hoá và đa dạng hoá công tác giáo dục-đào tạo, thanh toán nạn mù chữ cho người trong độ tuổi. Coi trọng công tác y học dự phòng trong nhân dân và nâng cao chất lượng điều trị trong hệ thống y tế, ngăn chặn có hiệu quả các bệnh dịch, nâng cao thể lực cho nhân dân, giảm đáng kể trẻ em suy dinh dưỡng. Xây dựng và mở rộng phong trào xây dựng nông thôn mới, làng văn hoá mới ở nông thôn, ngăn chặn có hiệu quả văn hoá độc hại và tệ nạn xã hội, trước hết là ở thị xã và thị trấn, giữ vững và nâng cao bản sắc văn hoá Việt Nam, phát triển lành mạnh văn hoá các dân tộc trong tỉnh.

d/ Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh đủ sức ngăn chặn và kịp thời đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn

chống phá của các thế lực thù địch, chủ động đối phó có hiệu quả âm mưu diễn biến hoà bình, bảo đảm cho sự phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh nhà theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

d/ Tiếp tục đổi mới để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của toàn Đảng bộ ngang tầm với yêu cầu của giai đoạn mới trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực hiện có hiệu quả công cuộc cải cách hành chính gắn với việc xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh, đổi mới phương thức công tác để nâng cao hiệu quả hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân, phát huy dân chủ, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, giữ vững kỷ cương và trật tự xã hội.

III/ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ :

1/ Phát triển các ngành kinh tế :

a/ Tiếp tục phát triển và đổi mới cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, dịch vụ, tạo nhiều việc làm tại chỗ, từng bước xây dựng mô hình nông thôn mới có kinh tế phát triển, văn hoá xã hội lành mạnh, dân trí được nâng cao, cơ sở hạ tầng được cải thiện.

- Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp theo hướng : ổn định mức sản xuất lương thực từ 140.000 - 145.000 tấn bằng biện pháp đầu tư chiều sâu, áp dụng tiến bộ kỹ thuật đưa độ đồng đều về năng suất lúa lên 13 - 15 tấn/ha trên toàn bộ 8.000 ha lúa cao sản để bảo đảm an toàn lương thực trong tỉnh. Hoàn thành

sớm quy hoạch sản xuất cụ thể cho cây nho, mía, thuốc lá, hành tỏi, gia súc có sữa. Phấn đấu tăng nhanh tỷ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây ăn trái và chăn nuôi gia súc, đến năm 2000 giá trị sản phẩm phi lương thực chiếm từ 55 - 60%. Tiếp tục mở rộng và phát triển các vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung để có khối lượng hàng hoá lớn, giá trị cao và ổn định như nho, thuốc lá, mía đáp ứng yêu cầu công nghiệp chế biến. Nho là loại cây đặc sản có giá trị kinh tế cao, được xác định là hướng ưu tiên phát triển để tăng nhanh giá trị sản phẩm hàng hoá, tạo sự biến đổi lớn trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tăng thêm việc làm tại chỗ. Diện tích trồng nho từ 3.000 - 3.500 ha, khối lượng sản phẩm hàng hoá từ 55.000 - 60.000 tấn, địa bàn sản xuất được tận dụng đất màu, đất lúa một vụ bắp bênh. Khẩn trương nhập nội các giống nho mới, có giá trị kinh tế cao, chất lượng sản phẩm tốt, ứng dụng tốt công nghệ sau thu hoạch nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu tiêu dùng và chế biến các sản phẩm từ nho. Mía đường được xác định là cây rất quan trọng trong giai đoạn 1996 - 2000, được quy hoạch phát triển tập trung trên địa bàn Ninh Sơn, tây nam Ninh Phước và các xã Công Hải, Lợi Hải huyện Ninh Hải. Trước mắt đầu tư nguyên liệu mía cho nhà máy đường 350 tấn/ngày trong năm 1996 và chuẩn bị xây dựng một nhà máy mới công suất 1.000 - 2.000 tấn/ngày vào các năm 1998 - 2000. Để có sản lượng mía ổn định cần hoàn thành sớm công trình thủy lợi Sông Pha, khôi phục trạm bơm Liên Sơn, khởi công hồ Tân

Giang. Xúc tiến công tác chuẩn bị đầu tư tìm đối tác xây dựng nhà máy đường mới để có thể đưa vào sản xuất trong vài năm đến. Duy trì mức sản xuất thuốc lá như năm 1995 (1.500 ha - 4.000 tấn).

Tận dụng đất để ổn định diện tích sản xuất bông lai khoảng 2.000 ha. Đưa diện tích hành tỏi lên khoảng 250 ha trên các vùng đất cát pha ven biển theo hướng phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng.

Khai thác các lợi thế để phát triển mạnh các loại gia súc, tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi lên ít nhất 25% trong giá trị sản xuất nông nghiệp, dần dần trở thành ngành sản xuất chính. Kết hợp chăn nuôi truyền thống từ kinh tế hộ đồng thời khuyến khích phát triển mạnh phương thức chăn nuôi trang trại theo hướng có phân công như : có cơ sở làm dịch vụ lai tạo giống, cơ sở bảo hiểm thú y, có trang trại vỗ béo trước khi bán, có cơ sở chuyên cung ứng thức ăn tổng hợp để từng bước thoát khỏi tập quán chăn nuôi tự nhiên. Trọng tâm của sự phát triển chăn nuôi trong thời gian đến là nhanh chóng tăng trọng lượng, nâng tầm vóc của đàn gia súc, gia cầm hiện có bằng việc giải quyết tốt con giống, nguồn thức ăn và nước uống vào mùa khô, mở rộng Sind hoá đối với đàn bò vàng địa phương. Trong nhóm gia súc, bò sinh sản và bò thịt được đặt thành trọng tâm phát triển ở cả đồng bằng, ven biển và miền núi. Đến năm 2000 đưa đàn bò cái sinh sản lên 45.000 con, bò thịt xuất chuồng từ 25.000 - 30.000 con/năm, đạt trọng lượng xuất chuồng

bình quân 200 - 250 kg/con, tạo tiền đề cho việc mở cơ sở chế biến thịt vào những năm sau. Khuyến khích phát triển đàn dê theo hướng bán công nghiệp, lai tạo dê bách thảo với dê nhập nội để sản xuất sữa. Chú trọng đúng mức phát triển đàn heo thịt, gia cầm, khuyến khích hình thức chăn nuôi quy mô trang trại vừa và nhỏ sử dụng rộng rãi thức ăn công nghiệp phát triển chăn nuôi trong nông thôn. Đến năm 2000 đưa khối lượng sản phẩm hàng hoá ngành chăn nuôi lên khoảng 9.000 - 10.000 tấn thịt hơi gia súc, gia cầm. Trên lĩnh vực nông nghiệp, huyện Ninh Phước được xác định là vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh.

Từng bước thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn bằng việc mở rộng địa bàn điện khí hoá nông thôn lên 90%; nâng cao năng lực cơ giới hoá nông nghiệp ở các khâu làm đất, thu hoạch, vận chuyển và chế biến nông sản; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến nhất vào trồng trọt, chăn nuôi nhất là công nghệ sinh học như : giống cây trồng, giống gia súc, thức ăn và kỹ thuật canh tác, tạo sự tăng trưởng nhanh về giá trị sản phẩm và năng suất lao động nông nghiệp; phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ trên địa bàn nông thôn, khắc phục rõ nét tính chất độc canh và thuần nông, phấn đấu 20 - 25% lao động ở nông thôn hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp; đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới (điện, đường, trường, trạm, môi trường, làng văn hoá mới ở 50% xã trong toàn tỉnh).

- Về Lâm nghiệp : công tác bảo vệ, tái sinh rừng, bao gồm rừng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ ven biển là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Tiếp tục mở rộng việc giao đất, giao rừng cho nhân dân, đồng bào dân tộc miền núi nhân khoán bảo vệ và trồng lại rừng trên rẫy cũ. Sắp xếp và củng cố các lâm trường, các ban quản lý rừng theo Nghị định 556 của Chính phủ để làm tốt hơn nữa chức năng quản lý bảo vệ và chăm sóc rừng. Thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc chương trình 327 để tăng nhanh diện tích rừng che phủ nhất là rừng phòng hộ ven biển, dùng một phần vốn để tạo vành đai cây xanh khu du lịch Ninh Chữ, ven thị xã Phan Rang nhằm tạo môi trường nghỉ dưỡng - du lịch. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, xử lý nghiêm khắc những vụ khai thác trái phép. Từ nay kế hoạch khai thác gỗ chỉ bảo đảm cân đối nhu cầu sử dụng và che chắn tại địa phương.

- Về thủy sản : bảo đảm nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 10,7%; hướng chủ yếu trong 5 năm đến là khuyến khích ngư dân đầu tư phát triển nhanh năng lực khai thác bằng thuyền công suất lớn với ngành nghề và trang bị kỹ thuật tiên tiến để khai thác vùng biển xa bờ, hoạt động dài ngày, hạn chế hợp lý số thuyền nhỏ khai thác ven bờ. Nhà nước khuyến khích nhân dân cùng đầu tư xây dựng đội tàu làm nhiệm vụ khai thác, hoạt động dịch vụ, hậu cần với hình thức, quy mô thích hợp. Phấn đấu đạt sản lượng thủy sản từ 30.000 - 32.000 tấn vào năm 2000, tăng tỷ lệ thủy sản có giá trị cao, đưa

30% sản phẩm qua chế biến. Tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường biển. Phát triển mạnh nghề sản xuất tôm giống lên gấp 3 lần mức sản xuất năm 1995 đáp ứng nhu cầu ở địa phương và tăng lượng giống bán ra ngoài tỉnh. Hoàn thành dự án cải tạo vùng nuôi tôm Đầm Nai, xúc tiến xây dựng vùng tôm Phú Thọ đưa diện tích nuôi tôm thịt lên 800 ha, áp dụng rộng rãi phương thức nuôi bán công nghiệp, sử dụng phổ biến thức ăn công nghiệp, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường. Hình thành 3 trung tâm nghề cá tại Đông Hải, Cà Ná, Khánh Hải được tổ chức đồng bộ các khâu tiêu thụ, chế biến, dịch vụ và sửa chữa tàu thuyền. Gắn các trung tâm nghề cá với xây dựng làng cá mới văn minh, tiến bộ có cơ sở hạ tầng được nâng cấp. Tiếp tục nâng công suất và công nghệ chế biến các loại hải sản xuất khẩu. Khuyến khích nhân dân vùng biển xây dựng cơ sở chế biến thủy sản phục vụ tiêu dùng trong nước. Nghiên cứu xây dựng cơ sở chế biến xuất khẩu mới tại Đông Hải, nâng công suất đóng thuyền lớn tại Khánh Hội.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cảng cá để sớm phát huy đồng bộ khu trung tâm nghề cá Đông Hải (điện, nước, giao thông, các cơ sở dịch vụ...), xúc tiến nạo vét cửa lạch Cà Ná, Ninh Chữ, xây dựng đề án nghiên cứu cảng nước sâu Vĩnh Hy để chuẩn bị cho những năm sau 2000.

b/ Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để có sự chuyển dịch nhanh trong cơ cấu kinh tế toàn tỉnh, bảo đảm nhịp độ phát triển bình quân 21,5%/năm, nâng tỷ trọng công nghiệp lên 20,1% và cao hơn trong tổng GDP vào năm 2000. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp chế biến thành ngành mũi nhọn, đảm bảo đưa phần lớn nguyên liệu nông sản, thủy sản, lâm sản vào chế biến xuất khẩu và tiêu dùng nội địa như : đường, muối, thủy sản, chế biến gỗ. Mở rộng sản xuất xi-măng, muối, gạch tuy-nen, đá xây dựng. Nghiên cứu phát triển thêm các cơ sở công nghiệp mới sản xuất rượu nho, sản phẩm sau muối, sản xuất bia, nước khoáng, nước giải khát, may mặc, giày thể thao, ván ép, chế biến hạt đào, bông xơ, xí nghiệp đường mới. Quy hoạch lại mạng lưới cơ khí bảo đảm phục vụ nhu cầu sửa chữa vừa, sửa chữa lớn máy nông nghiệp, máy thủy, phương tiện vận tải, máy xây dựng. Mở rộng mạng lưới tải điện đến tất cả các thôn xã vùng đồng bằng, ven biển, phát triển lưới điện đến một số xã vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa, cải tạo hệ thống đường dây và trạm đã xuống cấp, nâng công suất trạm phân phối đầu nguồn. Đến năm 2000 phấn đấu đạt 200 KW/đầu người và 90% số hộ có điện dùng.

Đổi mới toàn bộ những thiết bị và công nghệ sản xuất đã quá lạc hậu tại các cơ sở công nghiệp hiện có. Khuyến khích phát triển tiểu, thủ công nghiệp tại các thị tứ, thị trấn, ở các phường, xã, nhất là những nghề

truyền thống như may mặc, dệt thổ cẩm, gốm, đan lát, chiếu cổi, đồ gia dụng, công cụ cầm tay, chế biến thủy sản, thực phẩm... phục vụ sản xuất và tiêu dùng tại chỗ ở nông thôn.

c/ Kinh tế đối ngoại và xuất nhập khẩu có vị trí rất quan trọng trong tiến trình phát triển và đổi mới cơ cấu nền kinh tế tỉnh nhà. Phải có một sự chuyển biến mạnh về cơ cấu hàng xuất theo hướng vừa tăng nhanh giá trị hàng thủy sản, vừa tăng nhanh tỷ trọng hàng nông sản qua chế biến và hàng công nghiệp trong cơ cấu hàng xuất khẩu đồng thời tiếp cận công nghệ mới, tìm đối tác liên doanh, mở rộng công suất, tăng thêm giá trị hàng hoá và tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Chủ động xây dựng các dự án gọi vốn đầu tư, tích cực tìm đối tác đầu tư nước ngoài, tỉnh ngoài vào địa phương xây dựng cơ sở sản xuất mới.

Chú trọng xây dựng sẵn các dự án, tranh thủ từ nguồn tài trợ ODA - PAM từ các tổ chức tài trợ phi Chính phủ.

d/ Phát triển nhanh các hoạt động thương mại dịch vụ và du lịch, thúc đẩy giao lưu hàng hoá và mở rộng thị trường.

Củng cố phát triển mạng lưới thương mại và dịch vụ hiện có trên toàn tỉnh, tăng cường công tác quản lý nhà nước bảo đảm cho thị trường phát triển lành mạnh, và minh từng bước hiện đại, thực sự là đòn bẩy thúc đẩy sản xuất và góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thị xã Phan Rang, các thị trấn, thị tứ cần vận dụng phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm để nâng cấp, mở rộng các chợ hiện có tạo thành trung tâm giao lưu hàng hoá thuận lợi, sạch đẹp và văn minh. Xây dựng thêm một chợ mới phía bắc thị xã; mở rộng thị trường nông thôn, vùng biển, bảo đảm đủ hàng hoá thiết yếu cho đồng bào dân tộc ở các xã miền núi. Cũng cố và sắp xếp hợp lý các đơn vị doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hơn năng lực tổ chức kinh doanh - tiếp thị đủ sức làm nòng cốt thị trường bán buôn, mở rộng thị phần bán lẻ đến nông thôn, góp phần ổn định giá cả trên thị trường toàn tỉnh. Ngành thương mại phải quản lý được các đầu mối bán buôn, các hộ kinh doanh vừa và lớn; hướng dẫn hộ kinh doanh đúng pháp luật. Các tổ chức thương mại nhà nước cần tổ chức quản lý việc tiêu thụ và điều hoà các mặt hàng có khối lượng lớn ở địa phương như nho, mía đường, thuốc lá, thủy sản, lương thực, gia súc, muối công nghiệp, xi-măng, nhiên liệu, sắt thép, phân bón, thuốc trừ sâu, máy nông, ngư cơ... Ngăn chặn có hiệu quả những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường như hàng lậu, hàng giả, hàng không bảo đảm chất lượng.

Hoạt động dịch vụ bao gồm các dịch vụ sản xuất và dịch vụ phục vụ đời sống được củng cố và tăng cường chất lượng để thúc đẩy sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân. Trước hết tập trung thực hiện tốt dịch vụ khuyến nông, khuyến ngư, công nghệ mới, đồng thời

coi trọng dịch vụ tài chính, tín dụng, bảo hiểm, các dịch vụ văn hoá, thông tin tiếp thị, tư vấn pháp lý...

Cải tiến và tăng cường dịch vụ vận tải đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại và giao lưu hàng hoá ngày càng tăng của nhân dân. Tất cả các phương tiện vận tải hành khách, hàng hoá đi trong tỉnh, liên tỉnh phải bảo đảm an toàn, thuận lợi, không để các phương tiện quá cũ kỹ, xuống cấp lưu hành. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn giao thông, kiểm tra chất lượng kỹ thuật phương tiện, trình độ lái xe, phong cách phục vụ. Nâng cấp bến xe, nhà ga bảo đảm trật tự văn minh, sạch đẹp.

Tiếp tục phát triển và hiện đại hoá dịch vụ bưu chính viễn thông, mở rộng địa bàn giao dịch, đưa số máy thuê bao lên 4 máy/100 hộ dân, đáp ứng tốt nhu cầu trao đổi thông tin trong nhân dân; mở rộng việc cung ứng máy thông tin trên các tàu đánh cá ở vùng biển sâu, xa bờ cho ngư dân; phục vụ kịp thời yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của các ngành, các cấp trong tỉnh.

Ngành du lịch nâng cao hơn nữa khả năng tiếp thị, mở rộng loại hình hoạt động, nâng cao tính hấp dẫn du khách. Khai thác tốt tiềm năng về lịch sử, văn hoá, thiên nhiên và môi trường biển để thu hút khách du lịch trong nước và thế giới theo hướng du lịch sinh thái, văn hoá và nghỉ dưỡng đảm bảo mức tăng trưởng doanh số bình quân hàng năm 30%, lượng du khách tăng 2 lần so với năm 1995. Tích cực tìm đối tác đầu tư để mở rộng

đồng bộ khu du lịch Ninh Chữ, Cà Ná gắn với cụm Đà Lạt, Nha Trang và các trung tâm du lịch lớn trong nước. Đầu tư đúng mức để tôn tạo, khôi phục các công trình văn hoá, di tích, cảnh quan nhằm thu hút du khách và tăng thời gian lưu trú của khách. Khuyến khích các tổ chức kinh tế và tư nhân trong tỉnh, ngoài tỉnh đầu tư xây dựng khách sạn, các cơ sở nghỉ dưỡng và các loại hình thể thao, phục vụ khách du lịch tại Ninh Chữ, Cà Ná theo đúng quy hoạch, pháp luật. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các loại hình kinh doanh dịch vụ, du lịch.

2/ Tăng cường tiềm lực tài chính và ngân sách, thực hành tiết kiệm, bảo đảm nhu cầu chi thường xuyên và xây dựng kết cấu hạ tầng :

Trên cơ sở đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế mà trọng tâm là phát triển công nghiệp, dịch vụ tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách. Cải tiến công tác quản lý thu trong các thành phần kinh tế nắm chắc doanh số, xác định đúng mức thu, không bỏ sót nguồn thu đối với kinh tế ngoài quốc doanh. Bảo đảm mức huy động thuế và phí vào ngân sách từ 16 - 18% GDP; đến năm 2000 nguồn thu ngân sách cân đối với yêu cầu chi và bắt đầu có tích lũy, thu hẹp dần tài trợ từ ngân sách Trung ương.

Trên cơ sở thu mà cải thiện cơ cấu chi, bảo đảm chi thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm tránh phô trương hình thức. Giành một tỷ lệ chi ngân sách thích đáng cho đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế, xã hội, khoa học, sử dụng

có hiệu quả các nguồn vốn tài trợ theo chương trình mục tiêu từ các ngành ở Trung ương.

Áp dụng phương thức cổ phần hoá, huy động trái phiếu nhà nước, trái phiếu ngân hàng, tiền gửi, mở rộng quỹ tín dụng nhân dân, tăng mức đầu tư tín dụng dài hạn, trung hạn, phấn đấu đưa tổng dư nợ cho vay hàng năm tăng từ 45 - 50% so với năm trước, tập trung vào mục tiêu phát triển và công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế tỉnh nhà.

3/ Tăng cường đầu tư phát triển kinh tế và cải thiện kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội :

Nhiệm vụ đầu tư phát triển trong 5 năm đến là vừa đảm bảo tăng nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, vừa bảo đảm hài hoà với sự phát triển xã hội. Có giải pháp hữu hiệu để huy động tối đa nguồn lực về vốn và sức lao động trong dân để đầu tư. Khuyến khích các thành phần kinh tế mạnh dạn đầu tư mở rộng diện tích trồng nho, mía, hành tây, trồng cây ăn quả, mở trại chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt, dê sữa, mua sắm máy nông nghiệp, máy thủy, thuyền đánh cá công suất lớn, mở rộng địa tôm, trại nuôi tôm giống, phát triển chế biến, nuôi trồng thủy sản, đổi mới phương tiện vận tải hành khách, tăng năng lực vận tải hàng hoá, nâng cấp sửa chữa đường, trường, trạm ở nông thôn. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp (nhà nước và tư nhân) tự đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất.

Các nguồn vốn đầu tư tập trung từ ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương và vốn tín dụng dài hạn sẽ được bố trí đủ để giải quyết các mục tiêu sau đây: hoàn thiện hệ thống thủy lợi Sông Pha; khôi phục trạm bơm Liên Sơn; nâng cấp kênh tưới cho 8.000 ha lúa cao sản trong hệ thống Nha Trinh, Lâm Cẩm; phối hợp với bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn sớm khởi công hồ Tân Giang, chuẩn bị đầu tư hồ Sông Trâu tăng nhanh nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, nước uống vào mùa khô cho các vùng chăn nuôi đại gia súc, nước sạch cho 80% dân ở nông thôn; hoàn thành cảng cá Đông Hải, nạo vét cửa lạch Cà ná, Ninh Chữ, xây dựng cầu tàu Cà ná, cải tạo vùng tôm Đầm Nại, vùng tôm Phú Thọ, đê chống lũ sông Dinh, nhà máy nước Tháp Chàm; phát triển mạng lưới điện tuyến Tân Sơn - Phước Thành, xây dựng đường điện Văn Lâm - Sơn Hải, Nhơn Hải - Vĩnh Hy, Lợi Hải - Phước Kháng, Quảng Sơn - Ma Nối. Cải tạo các tuyến đường dây và trạm phân phối đã xuống cấp, tăng công suất trạm biến thế đầu nguồn; vận dụng phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm để nâng cấp các tuyến đường liên thôn và xã, đường vào các xã miền núi, phối hợp với Trung ương để nâng cấp đường quốc lộ 1A, đường 27; nâng cấp và xây dựng mới đủ phòng học cho hệ thống giáo dục phổ thông, trường Sư phạm; tiếp tục đầu tư Bệnh viện tỉnh, hiện đại hoá thiết bị khám và điều trị.

Cải tạo nâng cấp thị xã Phan Rang-Tháp Chàm và các huyện lỵ, trọng tâm là nâng cấp đường, đèn đường,

via hè, cấp thoát nước. Hoàn thành nhà văn hoá trung tâm, khu vui chơi thiếu niên, nghĩa trang liệt sĩ, quy hoạch các khu dân cư và quản lý chặt chẽ việc xây dựng nhà ở theo quy hoạch. Xây dựng thị xã Phan Rang-Tháp Chàm xứng đáng là trung tâm chính trị, văn hoá, kinh tế của tỉnh; về kinh tế phải thể hiện vai trò trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, nghề cá và trung tâm tài chính. Hoạt động kinh tế của thị xã Phan Rang-Tháp Chàm không bó hẹp trong phạm vi địa giới hành chính, phải vươn ra các vùng kinh tế trong tỉnh nhằm thể hiện vai trò đầu tàu trên các lĩnh vực, chủ động tìm đối tác ở các tỉnh bạn, nước ngoài để liên kết, hợp tác đầu tư phát triển kinh tế trên địa bàn thị xã.

Khai thác vốn vay trung hạn, dài hạn, vốn đầu tư nước ngoài, tỉnh ngoài, vốn tư nhân, vốn tự có của các doanh nghiệp tập trung đầu tư mở rộng các cơ sở công nghiệp, kết hợp vốn trong dân với vốn vay trung hạn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản, dịch vụ... theo các mục tiêu phát triển đã đề ra.

Để tạo được nhịp độ tăng trưởng nhanh và bền vững, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm đến rất lớn, cần huy động khoảng 1.500 - 1.800 tỷ đồng tăng hơn 2,5 lần thời kỳ 1992-1995, trong đó vốn trong dân là rất quan trọng.

4/ Phát triển khoa học - công nghệ :

Nhiệm vụ khoa học công nghệ trong những năm đến trước hết phải bảo đảm tính khoa học cho các quyết định của Đảng, Nhà nước, các đề án, dự án quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội; khai thác sử dụng các tiềm năng lợi thế, bảo vệ môi trường sinh thái; tổ chức tốt việc ứng dụng có hiệu quả và rộng rãi tiến bộ khoa học kỹ thuật mới của thế giới và trong nước vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, trọng tâm là các ngành trồng trọt, chăn nuôi, khai thác, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến, công nghiệp xây dựng.

Tập trung giải quyết nhanh giống nho ăn tươi có giá trị thương mại cao, giống nho chế biến rượu và các sản phẩm hàng hoá khác từ nho. Xây dựng quy trình bảo quản, vận chuyển nho tươi dài ngày, chuyển quy trình sản xuất nho thành quy trình sản xuất nông nghiệp sạch. Thực hiện 70% giống bò vàng được lai từ giống Sind.

Trong thủy sản : trang bị kỹ thuật, ngành nghề tiên tiến cho tàu thuyền công suất lớn (30 - 50% thuyền), rút ngắn thời gian chế biến mắm, khắc phục ô nhiễm môi trường tôm thịt, tăng cấp loại và sản lượng tôm nuôi, thực nghiệm chuyển giao kịp thời các quy trình công nghệ mới vào nuôi trồng thủy sản. Đổi mới toàn bộ thiết bị lạc hậu, cải tiến công nghệ sản xuất trong công nghiệp chế biến, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp.

Nâng cao năng lực cơ giới thi công xây dựng giảm dần vật liệu gỗ làm cốt pha, giàn giáo, chuyên môn hoá và nâng cao tay nghề công nhân xây dựng bậc cao, áp dụng công nghệ mới tăng năng lực sản xuất và chất lượng xi măng, gạch, hạn chế ô nhiễm. Trang bị phương tiện hiện đại để giám định chất lượng và dự toán thiết kế các công trình xây dựng.

Mở rộng nghiên cứu triển khai các đề án khoa học xã hội phục vụ công tác lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp. Triển khai các đề án công nghệ thông tin, tăng cường thông tin kinh tế, thông tin trong quản lý và trang bị đồng bộ các phương tiện trao đổi, xử lý thông tin hiện đại.

Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng và trang bị vật chất kỹ thuật cho sự phát triển khoa học công nghệ. Nhanh chóng đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ trình độ quản lý hoạt động khoa học công nghệ; có chính sách sử dụng cán bộ khoa học kỹ thuật trong và ngoài tỉnh. Khơi dậy trong nhân dân và trong lớp trẻ phong trào lao động sáng tạo mạnh mẽ nhằm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

5/ Tiếp tục thực hiện chính sách xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa :

- Về kinh tế nhà nước : rà soát lại hiệu quả sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp nhà nước (kể cả những

đơn vị có chức năng công ích) để sắp xếp lại cho hợp lý; tăng cường củng cố và tạo điều kiện để vươn lên làm tốt vai trò nòng cốt, chủ đạo ở một số khâu, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế địa phương, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách như : thủy sản xuất khẩu, sản xuất đường, tổ chức sản xuất và cung ứng xi măng, xăng dầu, lương thực, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp. Lĩnh vực cơ khí sửa chữa lớn, chế biến gỗ, muối, năng lượng, bưu chính viễn thông, ngân hàng thương mại, bảo hiểm, xây dựng, du lịch, kinh doanh vàng bạc, thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, hoá chất bảo vệ cây trồng, sách và thiết bị trường học, nước sinh hoạt là những lĩnh vực nhất thiết phải do các doanh nghiệp nhà nước tham gia phần chủ yếu để giúp chính quyền chủ động điều hoà sản xuất và điều hoà cung cầu trên thị trường. Lấy mức sinh lời trên vốn làm căn cứ xác định hiệu quả hoạt động của từng doanh nghiệp.

Nghiên cứu xác định những doanh nghiệp không cần thiết phải là 100% vốn nhà nước để tiến hành cổ phần hoá, nhằm tạo thêm vốn đổi mới thiết bị, công nghệ và nâng cao vai trò làm chủ của người lao động. Những xí nghiệp thực sự làm ăn không có hiệu quả thì kiên quyết xử lý theo luật phá sản, nhượng bán hoặc cho các tổ chức kinh tế khác thuê.

- Về kinh tế hợp tác : đây là một tất yếu kinh tế-xã hội trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước

theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong những năm trước mắt phải kiên quyết đổi mới nội dung quản lý, lấy chức năng kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống cho hộ nông dân là chủ yếu. Hợp tác xã không làm chức năng quản lý ruộng đất, chỉ huy sản xuất và trực tiếp phân phối sản phẩm như trước mà chỉ kinh doanh những khâu hộ xã viên thực hiện ít hiệu quả. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nông dân tự nguyện liên kết với nhau về vốn và sức lao động hình thành những hợp tác xã mới ngay trong lòng những hợp tác xã cũ kém hiệu quả. Các hợp tác xã mới được phát triển đa dạng bao gồm hợp tác xã dịch vụ, thương mại, tiểu, thủ công nghiệp, vận tải, tín dụng, nghề cá... với quy mô từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao không gò ép tập thể hoá tư liệu sản xuất. Hộ vẫn là đơn vị kinh tế tự chủ, mỗi hộ có thể đồng thời tham gia một hoặc nhiều hợp tác xã và không bị ràng buộc bởi địa giới hành chính. Những hợp tác xã cũ tồn tại trên hình thức, không phát huy tác dụng phục vụ kinh tế hộ và trở thành cản trở thì giải thể, tổ chức những hình thức hợp tác thích hợp. Thí điểm xây dựng loại hình hợp tác xã cổ phần trong khu vực nghề cá, muối, tiểu, thủ công nghiệp... ở các thị trấn, thị xã.

- Kinh tế tư nhân, cá thể được khuyến khích phát triển; chính quyền các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện giúp đỡ trong các lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, khai thác nuôi trồng, chế biến thủy sản, nông sản, thực phẩm, hàng may mặc, thủ công mỹ nghệ, vận tải, chăn

nuôi và chế biến thức ăn gia súc. Quy hoạch, rà soát lại những lĩnh vực nào mà các doanh nghiệp tư nhân phát triển đến mức bão hoà để hướng dẫn khuyến khích họ đầu tư vào những khu vực mà nền kinh tế có nhu cầu.

Khuyến khích các nhà công thương gia mạnh dạn đầu tư vốn vào lĩnh vực sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, nhất là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến hàng xuất khẩu. Khuyến khích các gia đình vận động người thân ở nước ngoài đầu tư phát triển kinh tế trong tất cả các lĩnh vực được pháp luật cho phép; được nhà nước bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp. Nhà nước sẵn sàng liên doanh với các nhà công thương gia cùng xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp mới bằng đất đai hoặc nhà xưởng chưa sử dụng trên cơ sở thỏa thuận.

Cùng với việc khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi đầu tư phát triển vào những ngành và lĩnh vực có lợi cho quốc kế dân sinh, Nhà nước hướng dẫn các thành phần kinh tế đi vào sản xuất kinh doanh lành mạnh, làm đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước theo pháp luật, thực hiện tốt mối quan hệ giữa chủ và thợ, làm tròn trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo hiểm, trả công. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn những vi phạm về pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh như : làm hàng giả, trốn thuế, lậu thuế. buôn lậu...

Tiếp tục phát huy khả năng tiềm tàng của kinh tế hộ ở nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá tạo những điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách để thúc đẩy sự chuyển biến kinh tế hộ lên cấp độ trang trại ngày càng nhiều ở nông thôn, trọng tâm là lĩnh vực chăn nuôi bò, dê; trồng nho, mía, đào và trồng rừng.

III/ VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI :

1/ Giải quyết việc làm và các chính sách xã hội :

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư mở mang ngành nghề, làm giàu cho mình và tạo việc làm cho người lao động. Sử dụng tốt nguồn vốn tín dụng, vốn tương trợ của các đoàn thể, vốn xoá đói giảm nghèo... gắn với các dự án 327, 773 mở mang thêm ngành nghề dịch vụ ở nông thôn, vùng biển, giải quyết việc làm tại chỗ như : sơ chế nông sản, phát triển kinh tế vườn, chăn nuôi bò, phát triển làm nghề thủ công, nghề truyền thống, du nhập ngành nghề mới... Giành một khoản kinh phí đầu tư xây dựng một số cơ sở công nghiệp may mặc, giày da, khuyến khích phát triển sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, các hoạt động dịch vụ... thu hút lao động thiếu việc làm ở thị xã, thị trấn, phấn đấu hàng năm giải quyết việc làm cho 5.000 - 6.000 lao động. Mở rộng và đa dạng hoá các hình thức dạy nghề thiết thực phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn. Trên cơ sở phát triển mạnh các lĩnh vực sản xuất, ngành nghề mà ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Xoá hộ đói, giảm 50% hộ nghèo, tăng nhanh hộ khá và

giàu. Phát huy tác dụng của Trung tâm xúc tiến việc làm thực sự đáp ứng yêu cầu môi giới cho người lao động tìm kiếm việc làm trong tỉnh, ngoài tỉnh và đi hợp tác lao động ở nước ngoài ngày càng nhiều hơn.

Phấn đấu trong 2 năm 1996 - 1997 giải quyết cơ bản những tồn đọng về chính sách sau chiến tranh. Chăm lo các đối tượng chính sách, người neo đơn, tàn tật, người cao tuổi; nâng mức sống các đối tượng chính sách có công cách mạng bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư ở địa phương.

2/ Giáo dục và đào tạo :

Coi trọng phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo cả về quy mô và chất lượng để đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà. Đến năm 2000 bảo đảm phần lớn trẻ em 5 tuổi được hưởng chương trình giáo dục mầm non trước khi vào tiểu học. Giải quyết cơ bản nạn mù chữ cho đối tượng tuổi từ 15 - 35 tuổi (ở vùng khó khăn, miền núi từ 15 - 25 tuổi). Hoàn thành phổ cập tiểu học và phổ cập cấp II cho đối tượng trong độ tuổi thanh niên ở vùng thị xã Phan Rang-Tháp Chàm, tổ chức các lớp thích hợp để bổ túc trình độ văn hoá cho cán bộ. Mở rộng mạng lưới bán công, dân lập, tư thực, mở Trung tâm giáo dục thường xuyên, đồng thời chú trọng xây dựng hệ thống giáo dục mũi nhọn : trường chất lượng cao, trường chuyên, lớp chọn. Cử cố các trường dân tộc nội trú tỉnh, huyện,

mở các trường dân tộc bán trú có một phần trợ cấp của Nhà nước. Đưa chương trình tin học, ngoại ngữ vào các trường phổ thông, mở rộng môn ngoại ngữ và từng bước thực hiện chương trình học cả ngày ở cấp tiểu học. Coi trọng hơn nữa việc giáo dục đạo đức, truyền thống cách mạng, lịch sử, văn hoá nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện cho học sinh. Xây dựng thêm Trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề ở các huyện. Phấn đấu xây dựng và củng cố toàn diện Trường Sư phạm Ninh Thuận cả về cơ sở trường lớp và đội ngũ giáo viên để sớm được Bộ công nhận là trường Cao đẳng Sư phạm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới.

Kiên trì thực hiện phương châm "T hà nước và nhân dân cùng chăm lo sự nghiệp giáo dục" góp phần nâng cao cơ sở vật chất, trường học khang trang, tiếp cận kịp phương pháp giáo dục hiện đại.

Có chính sách khuyến học, khuyến tào, khuyến khích giáo viên công tác vùng núi, vùng khó khăn và giúp đỡ con em của các đối tượng chính sách, học sinh nghèo, học sinh khuyết tật.

3/ Chăm lo bồi dưỡng thể chất nhân dân là lĩnh vực hết sức quan trọng:

Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho mọi người với chất lượng cao hơn hiện nay. Tiến hành xây dựng chiến lược theo vùng địa dư kinh tế, văn hoá, xã hội, vùng thị trấn,

thị xã, nông thôn, vùng biển, vùng núi để có kế hoạch và thực hiện chăm sóc sức khỏe nhân dân thích hợp.

Nâng cao thể trọng và tăng cường thể lực cho mọi người theo phương châm dự phòng tích cực, giáo dục dinh dưỡng, vệ sinh phòng bệnh, rèn luyện thân thể đi đôi với nâng cao hiệu quả trị bệnh nhất là trong cấp cứu, chú trọng phục hồi chức năng sau chữa bệnh. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Đa dạng hoá các loại hình phòng bệnh-chữa bệnh, cải thiện sức khỏe người dân nhất là bà mẹ, trẻ em, người già. Đến năm 2000 và những năm tiếp theo làm giảm đáng kể tỷ lệ mắc bệnh nhiễm khuẩn, ký sinh trùng, chủ động ngăn chặn bệnh dịch tả và bệnh AIDS, hạ thấp tỷ lệ tử vong. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, bảo đảm trẻ em trong diện tiêm chủng được tiêm đầy đủ 6 loại vắc-xin, giảm tỷ lệ chết trẻ sơ sinh.

Mở rộng dịch vụ khám chữa bệnh cả 3 hình thức y tế: Nhà nước, tập thể, tư nhân; có kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ. Mở rộng quy mô, chất lượng bảo hiểm y tế, có chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng chính sách, gia đình nghèo. Chú ý nâng cao chất lượng sản xuất thuốc, chế biến dược liệu tại chỗ và liên doanh sản xuất thuốc chữa bệnh với bên ngoài, đồng thời phát triển mạng lưới kinh doanh và dịch vụ thuốc Tây ở cả nông thôn, miền núi với sự quản lý chặt chẽ của ngành Y tế.

Sắp xếp bố trí các tuyến y tế trong tỉnh phù hợp đạt hiệu quả tránh lãng phí, chú trọng phát triển các chuyên khoa tuyến tỉnh, tập trung củng cố, nâng cao chất lượng khám-điều trị tuyến y tế cơ sở. Đến năm 2000 các trạm y tế cơ sở đều có đủ y sĩ và hộ sinh, nhất là miền núi và vùng ven biển.

Tập trung đầu tư xây dựng Bệnh viện tỉnh có đội ngũ cán bộ chuyên môn chuyên sâu và được trang bị phương tiện khám và điều trị hiện đại. Nâng cao kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn gắn với bồi dưỡng y đức của cán bộ trong ngành Y tế.

Triển khai có hiệu quả các chương trình y tế giáo dục sức khoẻ và dinh dưỡng, phòng chống dịch, kiểm soát vệ sinh thực phẩm, chống ô nhiễm môi trường, cung cấp nước sạch... Xây dựng phong trào vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh sâu rộng trong nhân dân ở các thôn, xã, khu phố để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Về công tác dân số kế hoạch hoá gia đình : hàng năm giảm tỷ suất sinh 1‰ để đến năm 2000 tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên là 2,03%. Ban hành đồng bộ các quy định nhằm tạo điều kiện để công tác dân số kế hoạch hoá gia đình được thực hiện có kết quả. Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ dân số kế hoạch hoá gia đình để đến năm 2000 có 100% xã, phường đủ cán bộ và phương tiện kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hoá tại cơ sở.

4/ Văn hoá, văn nghệ :

Nhiệm vụ trung tâm của văn hoá, văn nghệ là góp phần xây dựng con người mới cả về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, có nhân cách và bản lĩnh vững vàng, có lòng yêu quê hương, yêu đất nước, trọng tâm là hướng đến tầng lớp thanh, thiếu niên.

Tiếp tục nâng mức hưởng thụ văn hoá, văn nghệ cho nhân dân, xây dựng đời sống văn hoá cơ sở chú ý vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, khắc phục sự chênh lệch về mức hưởng thụ văn hoá giữa các vùng trong tỉnh. Duy trì và phát triển nền văn hoá Việt Nam và văn hoá các dân tộc trong tỉnh đi đôi với việc đẩy lùi văn hoá độc hại. Tiến hành xây dựng các làng văn hoá đạt kết quả, có chất lượng thật sự ở 50% số xã phường. Nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, nghiệp dư, đồng thời phát triển rộng rãi các đội nghệ thuật quần chúng. Tiếp tục xây dựng và kiện toàn các thiết chế văn hoá cần thiết : Nhà bảo tàng tỉnh, nhà truyền thống Bác Ái, nhà văn hoá trung tâm, thư viện, lập thủ tục chuẩn bị triển khai xây dựng tượng đài Bác Hồ. Quan tâm, chăm lo bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ công tác trên lĩnh vực văn hoá nghệ thuật và các văn nghệ sĩ.

Đưa công tác bảo tàng, bảo tồn đi vào hoạt động có nề nếp, có chiều sâu, có tác dụng giáo dục; có kế hoạch xây dựng địa chỉ, trùng tu, bảo dưỡng các di tích lịch sử, các tháp cổ, các di sản văn hoá các dân tộc trong tỉnh.

Phủ sóng phát thanh truyền hình đến tất cả các vùng dân cư trong tỉnh, nâng cao chất lượng và tăng kênh truyền hình, số giờ phát thanh. Làm tốt công tác phát hành ấn phẩm văn hoá, báo chí đến tận thôn xã, cung cấp thông tin kịp thời về kinh tế, xã hội cho nhân dân.

Phát huy người tốt việc tốt, nếp sống văn minh, lành mạnh, xây dựng nếp sống văn hoá đô thị ở thị xã và các thị trấn. Tăng cường quản lý các hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá, đẩy mạnh bài trừ các tệ nạn xã hội nghiêm trọng; Đoàn thanh niên phải làm nòng cốt trong lực lượng bài trừ văn hoá độc hại và tệ nạn xã hội. Đấu tranh kiên quyết với tệ nạn mê tín dị đoan, chỉ đạo các hoạt động lễ hội truyền thống đúng hướng nhất là ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc, vùng miền núi, góp phần phát triển nền văn hoá theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

5/ Thực hiện rộng rãi phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao :

Tạo chuyển biến tích cực cả về chất lượng và hiệu quả giáo dục thể chất trong trường học, phát triển mạnh phong trào thể dục thể thao trong quần chúng kết hợp với thể thao thành tích cao. Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm để tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ các hoạt động thể dục thể thao. Hình thành 4 trung tâm ở 4 huyện thị, bồi dưỡng năng khiếu thể thao, duy trì phát triển công tác đào tạo

tài năng trẻ tiếp cận trình độ thể dục thể thao khu vực và toàn quốc.

IV/ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI MIỀN NÚI :

Thực hiện các mục tiêu chủ yếu của quy hoạch tổng thể phát triển tổng hợp kinh tế xã hội miền núi đã được Chính phủ phê duyệt, tạo chuyển biến rõ nét trên các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội. Phấn đấu 5 năm đến bắt đầu tạo ra vùng kinh tế lâm-nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá. Tiếp tục mở rộng giao đất, giao rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của nhân dân góp phần làm tốt công tác bảo vệ rừng đầu nguồn. Đưa mức sống nhân dân đi dần vào ổn định, có vùng được cải thiện, khắc phục tình trạng đói giáp hạt, hoàn thành công tác định canh định cư. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, trường, trạm nhằm tạo nhịp độ phát triển kinh tế-xã hội miền núi.

Thực hiện phổ cập cấp I và xoá mù chữ, tiến hành xây dựng các trường bán trú và nội trú khu vực, từng bước đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng, đào tạo cán bộ tại chỗ. Bảo đảm công tác chăm sóc y tế, sức khỏe nhân dân miền núi để đến năm 2000 giảm tối đa tỷ lệ người bị bệnh sốt rét, bướu cổ và các bệnh xã hội. Tiếp tục phát triển các làng văn hoá và xây dựng các cụm văn hoá thông tin cấp xã, xây dựng nếp sống mới ở cơ sở. Đến năm 2000 mỗi xã miền núi có một cụm văn hoá thông tin hoàn chỉnh.

Quan tâm hơn nữa đối với các đối tượng chính sách, gia đình thương binh, liệt sĩ, thực hiện chế độ đối với người có công. Đẩy mạnh chương trình xoá đói giảm nghèo ở vùng cao, vùng xen ghép. Thực hiện tốt chính sách đối với các vùng đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn.

V/ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH:

Nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong thời kỳ 1996 - 2000 là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường sức mạnh của các lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân; nâng cao chất lượng và trình độ chính quy của các lực lượng vũ trang, đảm bảo an ninh chính trị, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn chặn kịp thời âm mưu diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng ứng phó thắng lợi đối với các tình huống phức tạp; làm chuyển biến rõ nét về trật tự xã hội.

Sớm hoàn thành xây dựng các công trình phòng thủ tại các hướng trọng điểm đã được xác định. Hoàn thiện các phương án phòng thủ gắn với diễn tập hàng năm. Xây dựng lực lượng vũ trang bảo đảm số lượng và chất lượng, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 3% so với dân số, củng cố lực lượng quân dự bị động viên, giải quyết dứt điểm quân nhân đào ngũ. Bảo đảm giao

quân đạt chỉ tiêu hàng năm với chất lượng ngày càng cao.

Từng bước xây dựng lực lượng tiến lên chính quy, hiện đại, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của quân đội về chính trị, nề nếp chính quy, trình độ chiến thuật, kỹ thuật và nghệ thuật quân sự, nhất là lực lượng tại chỗ và ở cơ sở nhằm tăng cường độ tin cậy, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị trên từng địa bàn. Chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng trong các lực lượng vũ trang, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ sĩ quan trẻ, và cán bộ quân sự xã phường, bảo đảm kế thừa một cách liên tục và vững chắc. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế gắn quốc phòng trong quy hoạch dài hạn và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm.

Chú trọng bảo vệ tốt an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ các trọng điểm kinh tế, văn hoá, quốc phòng, đảm bảo sự đoàn kết thống nhất quân với dân. Tập trung tuyên truyền giáo dục nâng cao cảnh giác trong nội bộ về âm mưu của kẻ địch. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc kết hợp các biện pháp quản lý trật tự trị an xã hội. Quan tâm chăm lo xây dựng lực lượng Công an ngày càng trong sạch, giỏi về nghiệp vụ, từng bước chính quy hiện đại.

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng đối với sự nghiệp quốc phòng-an ninh bảo đảm cho các lực lượng có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước của nhân dân và bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Đồng thời Đảng, Nhà nước và nhân dân quan tâm, chăm lo đến đời sống của các lực lượng vũ trang và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; đây là một nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng.

VI/ DẨY MANII DỐI MỚI VÀ CHỈNH DỐN ĐẢNG. XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIÊN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ:

1/ Thực hiện việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng theo yêu cầu nhiệm vụ mới trên cả 3 mặt : chính trị, tư tưởng, tổ chức.

a/ Mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 là :

Đảm bảo xây dựng Đảng bộ đoàn kết vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và bản lĩnh chính trị của toàn Đảng bộ trong giai đoạn mới, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Gắn nhiệm vụ và mục tiêu xây dựng Đảng ở các cấp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của từng đảng bộ, xem đây là nhiệm vụ hàng đầu của đảng bộ các cấp.

Hoàn thành sớm việc xây dựng quy hoạch cán bộ, có kế hoạch đào tạo cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý chủ chốt trong các ngành, các cấp. Xây dựng đội ngũ cán bộ mạnh về chính trị, vững về chuyên môn, nghiệp vụ... đáp ứng yêu cầu lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước và địa phương.

Tập trung xây dựng tổ chức Đảng ở cơ sở góp phần quan trọng cho đổi mới hệ thống chính trị ở các địa phương. Phần đầu xây dựng được 50% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, giảm tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng yếu kém dưới 5%.

Phát triển 1.500 đảng viên mới, đảm bảo có chất lượng.

b/ Nhiệm vụ cụ thể trên 3 mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức :

Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức cho đảng viên và cán bộ về chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt bản chất giai cấp công nhân của Đảng, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội theo đường lối và quan điểm nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII: nhận thức và thực hiện đúng đắn cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời giáo dục cán bộ, đảng viên về phẩm chất chính trị, đạo đức Cách mạng và lối sống trong sạch lành mạnh, thực hiện cần kiệm xây dựng đất nước; có tinh thần cảnh giác, ý chí phấn đấu nỗ lực vượt khó vươn lên trong học tập, công tác, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, giảm sút ý chí chiến đấu, xa rời lý tưởng.

Giáo dục cho cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay của nước ta là tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội. Trước hết làm

cho cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng theo nội dung nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII và nghị quyết của Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, nắm vững nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá để vận dụng sáng tạo, có hiệu quả vào điều kiện của địa phương, hiểu rõ và chủ động đối phó âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đều được quán triệt đến tận cơ sở, đảng viên và được cụ thể hoá bằng chương trình hành động của Đảng bộ các cấp.

Củng cố và kiện toàn bộ máy các Ban Đảng ở tỉnh và các huyện, thị, Đảng uỷ đủ sức làm tham mưu cho cấp uỷ chỉ đạo tốt các mặt công tác. Nâng cao trách nhiệm và chất lượng tham mưu của các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn trong các sở, ban ngành, đoàn thể và các huyện, thị.

Phát huy truyền thống đoàn kết trong Đảng bộ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ và giữ gìn kỷ luật kỷ cương của Đảng. Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng, chống những biểu hiện cục bộ bản vị, tự do vô tổ chức, vô kỷ luật, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa thực dụng...

Củng cố nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng : trước hết phải giải quyết dứt điểm những cơ sở yếu kém hiện có, hạ tỷ lệ cơ sở Đảng yếu kém xuống dưới 5%; điều chỉnh và sắp xếp lại một số tổ chức cơ sở Đảng cho phù hợp với tính chất nhiệm vụ; giảm tổ chức cơ sở Đảng sinh hoạt ghép và không còn thôn chưa có đảng

viên; tất cả các đơn vị cơ sở kinh tế, sự nghiệp đều có đảng viên; xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh.

Xây dựng và phát triển đội ngũ đảng viên của Đảng bộ ngày càng tăng về số lượng và mạnh về chất lượng. Trước hết, tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện có, giúp đỡ đảng viên yếu vươn lên, giúp đảng viên nghèo vượt khó, tăng tỷ lệ đảng viên thật sự phát huy vai trò tiên phong gương mẫu. Làm tốt công tác phát triển đảng viên mới, phấn đấu kết nạp 1.500 đảng viên bảo đảm chất lượng; chú trọng phát triển đảng viên trong đội ngũ trí thức, nông thôn, miền núi.

Đổi mới công tác cán bộ, làm tốt công tác tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hoàn thành việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý trong các ngành, các cấp. Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ một cách căn bản nhằm khắc phục sự hẫng hụt trong đội ngũ cán bộ các cấp của tỉnh.

Trong công tác cán bộ thực hiện đúng quy trình đánh giá, đề bạt và bổ nhiệm; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ.

Thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ và chính sách đối với cán bộ, nhất là đối với cán bộ nữ, cán bộ dân tộc, cán bộ trí thức... ở cơ sở.

Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất chính trị và năng lực công tác vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ

luật, có đạo đức lối sống trong sạch, đoàn kết và quan hệ tốt với quần chúng. Tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy làm công tác tổ chức cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Đảng bộ trong giai đoạn mới.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra tổ chức Đảng và đảng viên chấp hành các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt theo Điều lệ. Tăng cường việc kiểm tra thực hiện nghị quyết Đảng và pháp luật Nhà nước ở Đảng bộ các cấp nhằm bảo đảm chủ trương, nghị quyết được thực hiện nghiêm túc. Thực hiện phương châm chủ động ngăn ngừa sai phạm, tất cả đảng viên, cấp uỷ viên thường xuyên tự kiểm tra và toàn Đảng bộ làm công tác kiểm tra. Thực hiện đúng quy trình và giải quyết kịp thời đơn thư tố cáo cán bộ đảng viên, các khiếu nại kỷ luật nhằm góp phần củng cố kỷ luật, kỷ cương trong nội bộ Đảng. Kiểm tra, xác minh và xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vô tổ chức, kỷ luật, tính Đảng yếu kém làm ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức Đảng.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, trước hết bảo vệ các quan điểm và đường lối đối nội của Đảng, bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng. Chủ động phòng, chống có hiệu quả âm mưu phá hoại chia rẽ nội bộ, mua chuộc cán bộ làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

Nâng cao hơn nữa năng lực của cấp uỷ các cấp trong lãnh đạo thực hiện nghị quyết của Đảng và nhiệm vụ

chính trị của địa phương đơn vị bằng việc cụ thể hoá nghị quyết thành chương trình hành động và kế hoạch công tác của cấp uỷ. Các cấp uỷ phải tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đảng, tổng kết rút kinh nghiệm phát huy các nhân tố mới, điển hình tiên tiến để nhân rộng trong các cấp, các ngành. Quy định cụ thể các mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, HĐND, các Ban cán sự và thủ trưởng các cơ quan góp phần hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng.

2/ củng cố chính quyền Nhà nước, thực hiện tốt cải cách hành chính theo tinh thần nghị quyết Trung ương 8, nâng cao hiệu lực điều hành, giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong xã hội :

Trong những năm đến nhiệm vụ nâng cao năng lực hoạt động của các đại biểu HĐND, các cơ quan của HĐND, nâng cao chất lượng các kỳ họp HĐND là rất quan trọng. Có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đại biểu HĐND kiến thức về luật pháp, về quản lý kinh tế, xã hội. Đại biểu HĐND phải tăng cường mối liên hệ thường xuyên với cử tri. Phát huy hơn nữa vai trò của các Ban HĐND trong giám sát, kiểm tra thực hiện nghị quyết HĐND.

Nâng cao năng lực, hiệu quả điều hành của UBND các cấp từ tỉnh, huyện đến cơ sở. Chính quyền các cấp và các ngành có trách nhiệm xây dựng các chương trình hành động nhằm cụ thể hoá các nghị quyết của Đảng và chỉ đạo thực hiện tốt, có kiểm tra thường xuyên. Đề cao

ý thức tổ chức kỷ luật đồng thời nâng cao ý thức thực hiện pháp luật và chấp hành kỷ cương, phép nước. Thực hiện có hiệu quả công cuộc cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh. Vận dụng chủ trương chính sách của Đảng, thực hiện pháp luật Nhà nước, từng bước thể chế hoá phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Bổ sung và hoàn chỉnh các quy chế hoạt động của UBND các cấp, tăng cường mối quan hệ giữa cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở từng cấp. Chú trọng xây dựng và củng cố chính quyền cấp xã, các Ban quản lý thôn để đủ năng lực thực thi nhiệm vụ tại cơ sở. Bố trí đủ cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn, cán bộ giúp việc cho từng cơ quan theo hướng tinh gọn, cán bộ phải đảm bảo có đủ năng lực, phẩm chất và tinh thần tận tụy đối với công việc.

Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, đồng thời tuyển chọn và bổ sung công chức, viên chức cho các cơ quan còn thiếu để đủ sức thực thi nhiệm vụ.

Chấn chỉnh công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng luật pháp. Tăng cường công tác giáo dục pháp luật làm cho mọi người dân hiểu và làm theo pháp luật. Tổ chức học tập sâu trong nhân dân và nội bộ các luật được ban hành, đồng thời phát huy tính tự nguyện, tích cực của nhân dân trong công tác tư pháp. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của

Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan, giám sát của nhân dân, phòng chống có hiệu quả tệ tham nhũng, buôn lậu. Tiến hành điều tra truy tố, xét xử nghiêm minh đúng người, đúng tội và giải quyết nhanh, kịp thời có tác dụng giáo dục đối với các vụ án, không để tồn đọng, thực hiện nghiêm chỉnh việc thi hành án. Xây dựng các cơ quan nội chính trong sạch vững mạnh, đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có phẩm chất chính trị và đạo đức chí công, vô tư để bảo đảm bộ máy trong sạch vững mạnh. Kiên quyết chống và xử nghiêm những tiêu cực trong cơ quan nội chính, tăng lòng tin của nhân dân.

3/ Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mở rộng mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân :

Tiếp tục thực hiện tốt những quan điểm nghị quyết 8B, và các nghị quyết của Đảng về đại đoàn kết dân tộc, về các đoàn thể quần chúng trong tình hình mới; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, động viên mọi tiềm năng, mọi đóng góp của nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà.

- Thực hiện tốt đường lối quan điểm và các chính sách của Đảng đối với các dân tộc, các tôn giáo và các tổ chức xã hội trong tỉnh nhằm tăng cường khối đoàn kết toàn dân.

Phát huy vai trò của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại

hoá. Nâng cao lập trường giai cấp công nhân cho người lao động. Đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề và học vấn, năng lực tiếp thu ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới và xây dựng ý thức làm chủ, chống các biểu hiện xâm phạm đến lợi ích chính đáng của người lao động. Đồng thời tạo thêm việc làm, từng bước giải quyết thất nghiệp, cải thiện điều kiện lao động và thực hiện an toàn vệ sinh công nghiệp trong các cơ sở sản xuất.

Nâng cao trình độ nhận thức cho nông dân thấu suốt các quan điểm của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, thành thị hoá nông thôn... Thực hiện tốt chính sách giao đất giao rừng, tạo điều kiện giúp đỡ mở mang ngành nghề trong nông thôn, phát triển quỹ tín dụng nhân dân, chống nạn vay nặng lãi. Khuyến khích, hướng dẫn nông dân từng bước đi vào hợp tác, giải quyết những nhu cầu vượt quá khả năng kinh tế hộ. củng cố xây dựng Hội Nông dân thực sự là một tổ chức vững mạnh, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là tập hợp đoàn kết giai cấp nông dân hướng vào mục tiêu phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Tạo điều kiện thu nhận thông tin, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nâng cao trình độ chính trị cho tầng lớp trí thức. Khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức tham gia xây dựng chính sách và luật pháp, nghiên cứu các đề tài khoa học ứng dụng, phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hình thành các tổ

chức thích hợp như : Hội luật gia, Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật... Có chính sách ưu đãi để động viên lực lượng trí thức hướng về phát triển vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa; thu hút đội ngũ cán bộ là con em của tỉnh đang công tác, học tập ngoài tỉnh trên các lĩnh vực khoa học, quản lý, giáo dục và đào tạo... bằng nhiều hình thức tham gia xây dựng tỉnh nhà.

Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân làm ăn đúng luật pháp, đầu tư mở rộng sản xuất tạo nhiều công ăn việc làm cho xã hội.

Quán triệt các quan điểm của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo, thực sự tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng, thực hiện bình đẳng giữa các tôn giáo, dân tộc. Động viên chức sắc, giáo dân hăng hái tham gia thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt đời, đẹp đạo. Mở rộng các hình thức sinh hoạt dân chủ, tiếp xúc đối thoại, phát huy vai trò tích cực của những người tiêu biểu trong các giai tầng xã hội, các dân tộc, tôn giáo. Kiên quyết xử lý những hành vi gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Đảng bộ tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt của Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên trong việc tập hợp, phát huy năng lực của tuổi trẻ trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên có trách nhiệm giáo dục truyền thống, nâng cao ý thức

chính trị, trình độ kiến thức văn hoá, khoa học kỹ thuật cho thanh niên, chăm lo công tác giáo dục đầu đời thiếu niên, nhi đồng, chuẩn bị hành trang cho thế hệ trẻ tỉnh nhà bước vào thế kỷ 21. Các cấp bộ Đảng phải xác định xây dựng Đoàn thanh niên là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng.

Hội liên hiệp phụ nữ các cấp tập trung chăm lo xây dựng tổ chức đáp ứng yêu cầu phát triển của phong trào phụ nữ trong tỉnh, đẩy mạnh thực hiện 5 chương trình công tác lớn, phong trào "vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2000", "ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo" do Trung ương Hội phát động; kiến nghị kịp thời đối với các cấp uỷ, chính quyền và phối hợp đồng bộ với các cơ quan, đoàn thể thực hiện tốt các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ nữ.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

Mặt trận và các đoàn thể chính trị tập hợp rộng rãi đoàn viên, hội viên, bằng nhiều hình thức tổ chức đa dạng. Hướng mạnh về cơ sở, thực hiện tốt việc giáo dục, vận động quần chúng phát huy tinh thần tự lực đi vào xoá đói giảm nghèo, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, hướng vào mục tiêu "mọi người, mọi nhà có cuộc sống ấm no hạnh phúc"; hưởng ứng mạnh mẽ phong trào Nhà nước cùng nhân dân giải quyết các vấn đề kinh tế, văn hóa-xã hội, phát huy sáng tạo của trí thức, tuổi trẻ, tìm ra các hình thức thiết thực chăm lo lợi

ích của đoàn viên, hội viên. Cải tiến nội dung, hình thức sinh hoạt, thu hút đông đảo hội viên, đoàn viên hăng hái tham gia sinh hoạt, công tác, tham gia công việc nhà nước; giám sát công việc chính quyền địa phương; phát hiện và đấu tranh mạnh mẽ chống nạn tham nhũng, tiêu cực. Phát triển các tổ chức từ thiện, hội công thương gia, hội ngành nghề... trên cơ sở luật về thành lập Hội, tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động đoàn thể nhân dân. Động viên các tầng lớp nhân dân, đoàn kết đẩy mạnh phong trào cùng Nhà nước thực hiện các chính sách văn hoá xã hội, đẩy mạnh cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở địa bàn dân cư", phát triển tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội, củng cố nền quốc phòng toàn dân.

Chú trọng củng cố, xây dựng tổ chức Mặt trận và các đoàn thể; hình thành quy chế phối hợp công tác giữa Mặt trận, các tổ chức đoàn thể với UBND các cấp trên cơ sở có kế hoạch và biện pháp cụ thể. Các cấp uỷ Đảng có quy định nề nếp công tác nhằm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động Mặt trận, các đoàn thể, đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện các chủ trương công tác mặt trận; quy định chế độ mọi đảng viên phải tham gia làm công tác quần chúng nơi cư trú. Các cơ quan nhà nước tạo điều kiện tốt hơn cho hoạt động Mặt trận và các đoàn thể. Chú ý bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ và vận dụng chính sách phù hợp nhằm động viên,

khuyến khích đội ngũ cán bộ làm công tác quần chúng, nhất là ở cơ sở.



Phần thứ ba



NHỮNG BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Những nhiệm vụ và mục tiêu phải thực hiện trong những năm đến hết sức nặng nề, đòi hỏi Đảng bộ phải tập trung mọi nỗ lực, đề ra các giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện có kết quả :

1/ Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Trung ương, vốn đầu tư, vốn tài trợ của nước ngoài; vốn trong dân và các thành phần kinh tế.

Hàng năm có kế hoạch, dự án khả thi để huy động vốn trong dân, vốn liên doanh, vốn tài trợ ngân sách Trung ương, vốn tín dụng, vốn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ, đảm bảo mức đầu tư phát triển toàn xã hội tương ứng 18 - 20% GDP. Các ngành, các cơ sở sản xuất kinh doanh có các dự án tiền khả thi tìm đối tác đầu tư, liên doanh. Các ngành Giáo dục, Y tế, Lao động, các đoàn thể có phương án, các dự án tài trợ vừa và nhỏ để tranh thủ vốn ODA, OECF... cho các chương

trình xã hội, nhằm bảo đảm tăng trưởng kinh tế, gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Cụ thể hoá các chính sách của Trung ương vào điều kiện của địa phương để kích thích nguồn lực về vốn, sức lao động, kinh nghiệm của các thành phần kinh tế vào đầu tư phát triển.

2/ Nhanh chóng xúc tiến công tác quy hoạch cụ thể trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và các quy hoạch ngành đến năm 2010, tiếp tục xúc tiến các quy hoạch cụ thể nhất là quy hoạch cây, con, quy hoạch ngành nghề trong công nghiệp, thủy sản, quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị.

Trong năm 1996, quy hoạch xong địa bàn sản xuất nho, mía, đào ở miền núi, quy hoạch chăn nuôi bò, dê gắn quy hoạch đồng cỏ, nguồn nước để đi vào phát triển các trại chăn nuôi một cách đồng bộ. Hình thành quy hoạch 4 khu công nghiệp tập trung cho chương trình phát triển công nghiệp quốc doanh 1996 - 2000 và sau năm 2000.

3/ Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển đúng hướng. Sắp xếp củng cố lại các doanh nghiệp nhà nước; đổi mới kinh tế hợp tác.

Rà soát hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước để sắp xếp lại hợp lý. Những đơn vị thực sự có hiệu quả, do yêu cầu của nền kinh tế và tạo nguồn thu lớn cho ngân sách được tạo điều kiện phát

triển, ưu tiên vốn tín dụng để đổi mới thiết bị và công nghệ sản xuất. Chuyển một số đơn vị sang hình thức cổ phần để thu hút vốn đầu tư. Tổ chức đấu thầu các cơ sở kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài cho các thành phần kinh tế bằng hình thức cho thuê, nhượng bán để thu hồi vốn đầu tư. củng cố và nâng cao năng lực kinh doanh của các đơn vị dịch vụ, thương mại bảo đảm chi phối được một số sản phẩm chủ lực trên thị trường, chú trọng phát triển mạng lưới thị trường ở nông thôn, miền núi.

Kiên quyết chuyển đổi các hợp tác xã nông nghiệp hiện có trở thành hợp tác xã chuyên làm dịch vụ từng khâu hoặc nhiều khâu cho các hộ sản xuất. Khuyến khích xác lập những loại hình hợp tác xã kiểu mới thực sự tự nguyện, quản lý dân chủ của các hộ nông, ngư dân.

Động viên, khuyến khích thành phần kinh tế tư nhân, các nhà công thương gia liên kết, đầu tư sản xuất, đổi mới thiết bị, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, hướng dẫn sản xuất, kinh doanh theo đúng luật pháp.

4/ Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thực hiện tốt các chính sách cán bộ của Đảng và Nhà nước một cách đồng bộ, nhằm bồi dưỡng đào tạo

đội ngũ cán bộ cho những năm trước mắt và thời kỳ sau năm 2000 đủ sức thực hiện các nhiệm vụ trong quản lý nhà nước trên các mặt kinh tế, xã hội. Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kể cả cán bộ quản lý nhà nước, quản lý xã hội và quản lý sản xuất kinh doanh. Có chính sách động viên khuyến khích những cán bộ có thành tích, ưu đãi những người có tài năng. Sắp xếp bố trí cán bộ theo năng lực, chú trọng cán bộ nữ, cán bộ dân tộc, tránh tình trạng cục bộ bản vị trong tuyển dụng và bổ nhiệm.

5/ Nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng ngang tầm yêu cầu của thời kỳ mới.

Căn cứ vào cương lĩnh, nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX và các văn kiện khác của Đảng, các cấp uỷ viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt có kế hoạch thường xuyên học tập nắm vững đường lối chủ trương của Đảng, những kiến thức mới về khoa học, kinh tế..., trong điều hành các mặt công tác phải nhạy bén, tiếp cận nhanh với cơ chế mới, nâng cao năng lực cụ thể hoá nghị quyết và tổ chức thực hiện có hiệu quả; tăng cường kiểm tra nắm chắc tình hình, thường xuyên đi cơ sở, kịp thời rút kinh nghiệm, tổng kết thực tiễn.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, gắn bó mật thiết với quần chúng, phát động mạnh mẽ

phong trào quần chúng hành động cách mạng; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

6/ Xây dựng và thực hiện tốt các chương trình trọng điểm sau đây :

a/ Chương trình phát triển nông nghiệp gồm 4 dự án lớn :

- Dự án phát triển cây nho hướng vào mục tiêu 3.000 - 3.500 ha, với khối lượng sản phẩm lớn, chất lượng tốt, giá trị cao nhằm tạo ra bước đột phá trong nông nghiệp và nền kinh tế. Giải quyết đồng bộ về cải tạo giống, quy trình canh tác tiên tiến, công nghệ bảo quản, phát triển công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Dự án mía đường bảo đảm thực hiện mục tiêu tạo được vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến đường mới có công suất 1.000 - 2.000 tấn/ngày.

- Dự án vùng lúa cao sản 8.000 ha thực hiện mục tiêu bảo đảm an toàn lương thực trên toàn tỉnh góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

- Dự án chăn nuôi hướng vào nhiệm vụ Sind hoá 70% đàn bò vàng, tăng trọng lượng xuất chuồng gắn với phát triển công nghiệp chế biến.

b/ Chương trình phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; chế biến xuất khẩu và sản xuất hàng tiêu dùng.

c/ Chương trình xây dựng cơ sở vật chất hướng vào xây dựng cơ sở hạ tầng vùng biển, các trung tâm kinh tế biển; tăng cường cơ sở vật chất về thủy lợi để đáp ứng nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt trong mùa khô; phát triển giao thông nông thôn.

d/ Chương trình phát triển nghề cá và nuôi trồng thủy sản.

đ/ Dự án tổng thể xoá đói, giảm nghèo đến năm 2000. Hàng năm chương trình phải hướng vào các mục tiêu cụ thể nhằm cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân, giải quyết việc làm, thực hiện xoá đói, thu hẹp hộ nghèo, tăng hộ khá và hộ giàu.

e/ Đề án chỉnh trang đô thị thị xã Phan Rang-Tháp Chàm.

g/ Chương trình xuất khẩu và kinh tế đối ngoại.

h/ Chương trình tổng hợp phát triển kinh tế-văn hoá-xã hội miền núi.

i/ Chương trình cải cách hành chính và chống tệ quan liêu, tham nhũng.



Đại hội IX của Đảng bộ tỉnh lần này tiến hành trong bối cảnh cả nước đang sôi nổi thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp, hướng về Đại hội Đảng toàn quốc, chúng ta tin tưởng rằng với đường lối tiếp tục đổi mới của nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, với truyền thống đoàn kết và tinh thần tự

lực tự cường, chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách đưa nghị quyết vào cuộc sống, thực hiện tốt những nhiệm vụ của thời kỳ 1996 - 2000, xây dựng tỉnh Ninh Thuận ngày càng giàu mạnh về kinh tế, ổn định về chính trị hướng đến xã hội công bằng, văn minh và bền vững.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NHIỆM KỲ VIII

DANH SÁCH

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA IX

(xếp theo vần A, B, C)



01-	Văn Công	An
02-	Trương Ngọc	Anh
03-	Nguyễn Hữu	Ánh
04-	Nguyễn Văn	Bình
05-	Hồng Ngọc	Chiến
06-	Thành	Chiều
07-	Trần Mai	Cường
08-	Nguyễn Đức	Dũng
09-	Phan Huy	Duyên
10-	Nguyễn Văn	Dy
11-	Trương Văn	Đầu
12-	Chamalé	Điều
13-	Hồ	Đông
14-	Hồ Hữu	Hạnh
15-	Nguyễn Tri	Hóa
16-	Nguyễn Thiếu	Hoàng
17-	Nguyễn Hữu	Hồng
18-	Bùi Minh	Hơn

19-	Nguyễn Văn	Hương	
20-	Huỳnh Công	Lai	
21-	Hoàng Thị Út	Lan	
22-	Đỗ Thị Bích	Liên	
23-	Nguyễn Quang	Linh	
24-	Phạm Văn	Muộn	
25-	Đỗ Hữu	Nghị	
26-	Trương Minh	Ngọc	
27-	Nguyễn Văn	Ngọt	
28-	Nguyễn Thành	Nhiên	
29-	Nguyễn Trường	Sanh	-10
30-	Trần Thị	Sơn	-02
31-	Nguyễn	Suất	-03
32-	Trần Văn	Tấn	-04
33-	Chamalé	Tiếp	-05
34-	Nguyễn Đức	Thanh	-06
35-	Nguyễn Văn	Thành	-07
36-	Đào	Thậm	-08
37-	Trương Xuân	Thìn	-09
38-	Nguyễn	Thoại	-10
39-	Nguyễn Xuân	Thủy	-11
40-	Nguyễn Thị Minh	Trang	-12
41-	Lê văn	Ứng	-13
42-	Nguyễn Bắc	Việt	-14
43-	Trương Nghiệp	Vũ	-15

DANH SÁCH

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÓA IX

(xếp theo vần A, B, C)



01-	Phan Huy	Duyên
02-	Nguyễn Văn	Dy
03-	Chamalé	Điều
04-	Hồ Hữu	Hạnh
05-	Bùi Minh	Hồn
06-	Nguyễn Văn	Hương
07-	Huỳnh Công	Lai
08-	Nguyễn Trường	Sanh
09-	Nguyễn	Suất
10-	Đào	Thậm
11-	Nguyễn Thị Minh	Trang
12-	Trương Nghiệp	Vũ

DANH SÁCH

BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY



01	Đồng chí Chamalé	Điều	Bí thư
02	Đồng chí Hồ Hữu	Hạnh	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh

DANH SÁCH

ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY

(xếp theo vần A, B, C)



01	Nguyễn Văn	Dy	Chủ nhiệm
02	Nguyễn Xuân	Thủy	Phó Chủ nhiệm
03	Lê Anh	Tuyên	Phó Chủ nhiệm
04	Tống Ngọc	Ban	Ủy viên chuyên trách
05	Lê Văn	Khuê	Ủy viên chuyên trách
06	Đoàn Hải	Long	Ủy viên chuyên trách
07	Trương Văn	Đầu	Ủy viên Kiêm chức
08	Nguyễn Thành	Niên	Ủy viên kiêm chức

NGHỊ QUYẾT

CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN

THỨ IX

(Nhiệm kỳ 1996-2000)



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận họp từ ngày 24 đến 27/04/1996 tại thị xã Phan Rang - Tháp Chàm.

QUYẾT NGHỊ

1/ Nhất trí thông qua báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII về đánh giá tình hình 4 năm 1992-1995 và phương hướng nhiệm vụ 5 năm 1996-2000; giao cho Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX căn cứ vào ý kiến của Đại hội để hoàn chỉnh trước khi công bố chính thức.

Đại hội nhất trí biểu quyết thông qua những mục tiêu chủ yếu đến năm 2000 như sau :

a/ Mục tiêu tổng quát : Tập trung sức động viên các tầng lớp nhân dân, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách,

khắc phục tồn tại yếu kém, khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của địa phương và các nguồn lực bên ngoài, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, có hiệu quả và vững chắc hơn, đồng thời giải quyết tốt những vấn đề bức xúc về xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh, xây dựng tiềm lực kinh tế, phấn đấu đưa tỉnh ta vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển, cải thiện mức sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách tụt hậu, tạo tiền đề cho bước phát triển mạnh mẽ hơn sau năm 2000.

- Xác định cơ cấu kinh tế : Nông - Ngư - Công nghiệp - Du lịch - Dịch vụ. Đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, xây dựng ngành công nghiệp chế biến và thủy sản trở thành 2 ngành kinh tế mũi nhọn.

- Tốc độ tăng bình quân tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) từ 10 - 11%.

- Sản lượng lương thực 140.000 - 145.000 tấn.

- Sản lượng đánh bắt hải sản 30.000 - 32.000 tấn.

- Giá trị xuất khẩu 30 - 32 triệu USD.

- Tỷ lệ động viên GDP vào ngân sách 16- 18%.

- Tỷ lệ tăng dân số 2,03%.

- Xóa hộ đói, giảm 50% hộ nghèo, tăng nhanh hộ khá, giàu.

- Thực hiện phổ cập tiểu học, cơ bản xóa xong mù chữ trong độ tuổi.

b/ Mục tiêu quốc phòng và an ninh : Bảo đảm giữ vững ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

c/ Mục tiêu về xây dựng Đảng :

- Đảng bộ đoàn kết vững mạnh.

- Đạt trên 50% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, giảm tổ chức cơ sở Đảng yếu kém còn dưới 5%..

- Phát triển 1.500 đảng viên mới bảo đảm chất lượng.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

d/ Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mở rộng mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Củng cố chính quyền, nâng cao hiệu lực điều hành, giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong xã hội.

2/ Đại hội phát động phong trào thi đua liên tục, mạnh mẽ và rộng khắp trong toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân, ra sức khắc phục mọi khó khăn thử thách, hăng hái thi đua lập nhiều thành tích mới, quyết tâm đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống.

3/ Đại hội giao cho Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội thành các kế hoạch và chương trình hành động từng năm, phối hợp chặt chẽ các hoạt động của các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn

thể, tổ chức chỉ đạo bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội.

Phan Rang, ngày 27/4/1996

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ IX

DIỄN VĂN BẾ MẠC

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ IX

(Do đồng chí Chamalé Diêu thay mặt

Đoàn Chủ tịch đọc tại Đại hội ngày 27/4/1996)

Kính thưa các đồng chí đại biểu,

Sau 3 ngày rưỡi làm việc khẩn trương, nghiêm túc; với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh, chúng ta đã hoàn thành cơ bản những phần việc đề ra trong chương trình Đại hội. Đại hội đã thông qua tổng hợp ý kiến đóng góp vào các dự thảo văn kiện Đại hội VIII của Đảng, thảo luận và thông qua báo cáo chính trị của Đảng bộ tỉnh, bầu Ban chấp hành Đảng bộ khoá IX, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX có ý nghĩa rất quan trọng trong tình hình đất nước, bối cảnh quan hệ quốc tế và khu vực hiện nay. Tại Đại hội này, chúng ta đã thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến của toàn Đảng bộ góp ý vào các dự thảo văn kiện Đại hội VIII của Đảng với sự nhất trí cao. Đó là sự khẳng định quyết tâm của Đảng bộ đi theo con đường xã hội chủ

nghĩa, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

Thành công của Đại hội là kết quả của quá trình chuẩn bị văn kiện Đại hội và công tác nhân sự của tập thể Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VIII, sự đóng góp ý kiến thẳng thắn với tinh thần xây dựng của các cấp uỷ Đảng, của các ngành, các cấp, các đồng chí cách mạng lão thành, các đồng chí hưu trí cao cấp. Đó cũng là kết quả của quá trình nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết hội nghị lần thứ 3, 4, 5, 7, 8 của Ban chấp hành Trung ương, các nghị quyết của Bộ Chính trị; nắm vững những quan điểm cơ bản của dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội VIII của Đảng vận dụng vào điều kiện thực tế ở tỉnh ta, có sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Bí thư, các Ban Đảng của Trung ương trong quá trình chuẩn bị Đại hội.

Đại hội đã quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và các giải pháp lớn cho nhiệm kỳ 1996 - 2000 nhằm đưa tỉnh ta vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển, tiến kịp các tỉnh phát triển trung bình của cả nước. Đây là những nhiệm vụ, mục tiêu có tính quyết định. Đại hội đã bầu được Ban chấp hành Đảng bộ khoá IX gồm 43 đồng chí có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ năng lực, khả năng thực hiện nghị quyết do Đại hội đề ra. Đây là một Ban chấp hành có tính kế thừa liên tục - sự chuyển giao giữa các thế hệ cán bộ lãnh đạo tỉnh ta.

Tại Đại hội này có 10 đồng chí uỷ viên Ban chấp hành cũ đều là những đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh do tuổi cao sức yếu và để đảm bảo từng bước trẻ hoá đội ngũ lãnh đạo của Đảng bộ, các đồng chí đã tự nguyện xin không tiếp tục cơ cấu vào Ban chấp hành mới. Đây là một hành động, một cử chỉ hoàn toàn trong sáng vì sự nghiệp lớn lao của Đảng, không một chút tính toán cá nhân. Đại hội và Đảng bộ hoan nghênh, ghi nhận về những suy nghĩ, việc làm tốt đẹp, về những công lao, thành tích của các đồng chí đã đóng góp cho Đảng bộ trong những năm qua, nhất là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt. Đại hội mong các đồng chí tiếp tục hoàn thành tốt công việc của mình ở cương vị công tác mới, mong các đồng chí tiếp tục cộng tác, trao đổi kinh nghiệm giúp đỡ các đồng chí lãnh đạo, Ban chấp hành mới hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Từ những kết quả nêu trên đối chiếu với yêu cầu đề ra và các hướng dẫn của Trung ương, chúng ta có thể kết luận được rằng: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ IX đã thành công tốt đẹp - Đây là Đại hội đoàn kết, dân chủ, tập trung và quyết tâm cao, Đại hội của sự kế tục và chuyển giao giữa những thế hệ lãnh đạo của tỉnh. Kết quả của Đại hội đáp ứng được ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đang ngày đêm theo dõi hướng về Đại hội.

Để nghị quyết của Đại hội thực sự sớm đi vào cuộc sống, vấn đề cơ bản là tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, công tác lớn sau Đại hội. Đại hội đề nghị các

đồng chí đại biểu, các cấp uỷ Đảng, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở làm tốt công tác tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh bằng hình thức thông tin nhanh về kết quả Đại hội.

Đại hội kêu gọi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc trong tỉnh, phát huy kết quả của Đại hội, hướng về Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VIII, hãy tiếp tục các cuộc vận động phong trào hành động cách mạng, ra sức thi đua lao động sản xuất kinh doanh và tích cực hoạt động trên các lĩnh vực văn hoá, xã hội, quốc phòng-an ninh, xây dựng Đảng, lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Tập trung sức thực hiện nghị quyết Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VIII đề ra cho năm 1996, trọng tâm là phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch kinh tế-xã hội nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên các mặt ngay từ năm 1996, năm đầu của nhiệm kỳ IX của Đảng bộ.

Kính thưa các đồng chí đại biểu,

Đại hội chúng ta vui mừng, biết ơn sự quan tâm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương, của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã gửi điện về chúc mừng và chỉ đạo Đại hội; xin cảm ơn tỉnh Bình Thuận anh em và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đã viết thư, gửi điện đến chúc mừng Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn các đồng chí đại diện các Ban xây dựng Đảng Trung ương, các đồng chí Khu ủy Khu 6 và lãnh đạo tỉnh Thuận Hải cũ, các đồng chí anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng, đại diện các cơ quan thông tấn, báo chí, đài phát thanh truyền hình, đại diện các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh. Sự có mặt của các đồng chí đã góp phần quan trọng vào sự thành công của Đại hội.

Đại hội biểu dương toàn thể đảng viên, cán bộ công nhân viên, cán bộ chiến sĩ và lực lượng vũ trang, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã có nhiều phong trào thi đua lập thành tích bằng những công trình, việc làm thiết thực chào mừng Đại hội.

Đại hội biểu dương và cảm ơn các ngành, các địa phương, cán bộ, chiến sĩ, nhân viên phục vụ đã làm việc tận tụy góp phần cho Đại hội Đảng bộ thành công; cảm ơn Thị uỷ, UBND thị xã Phan Rang-Tháp Chàm đã tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho việc tiến hành Đại hội. Cảm ơn các cơ quan thông tấn báo chí trung ương và địa phương đã theo dõi và tuyên truyền nhanh về quá trình diễn biến của Đại hội.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Với niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã chọn, với tinh thần tự lực, tự cường, chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa nghị quyết vào cuộc sống, thực hiện tốt những

nhệm vụ của thời kỳ 1996 - 2000, xây dựng tỉnh Ninh Thuận ngày càng giàu mạnh về kinh tế, ổn định về chính trị, hướng đến xã hội công bằng văn minh và bền vững.

Với niềm tin tưởng đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ IX.

Đảng Cộng Sản Việt Nam quang vinh muôn năm !

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi

trong sự nghiệp của chúng ta.

Đại hội diễn ra trong bầu khí đoàn kết, thống nhất, dân chủ, kỷ cương, kỷ luật, nghiêm túc, thành công, đạt được những kết quả quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ IX.

Đại hội diễn ra trong bầu khí đoàn kết, thống nhất, dân chủ, kỷ cương, kỷ luật, nghiêm túc, thành công, đạt được những kết quả quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ IX.

Với niềm tin tưởng vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã chọn, với tinh thần tự lực tự cường, chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa nghị quyết vào cuộc sống, thực hiện tốt những

Mục Lục

	Trang
- Diễn văn khai mạc	3
- Báo cáo của Ban chấp hành	11
- Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa IX	103
- Danh sách Ban Thường vụ Tỉnh ủy	105
- Danh sách Bí thư và Phó Bí thư	106
- Danh sách Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	106
- Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ IX	107
- Diễn văn bế mạc	111



Trang	
3	Diễn văn khai mạc
11	Báo cáo của Ban chấp hành
103	Đánh sách Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh
105	Khóa IX
106	Đánh sách Ban Thường vụ Tỉnh ủy
108	Đánh sách Ban Thường vụ Tỉnh ủy
109	Đánh sách Ban Thường vụ Tỉnh ủy
107	Nghi quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh
111	Đánh sách Ban Thường vụ Tỉnh ủy



In tại XÍ NGHIỆP IN PHAN RANG
 Số lượng 150 cuốn, khổ 13x19
 In xong tháng 11-1996.



DCS.000412